

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN THỊ KIM DUNG

**GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA
HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM
TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Luật Hiến pháp và Luật Hành chính

Mã số: 60.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS. Nguyễn Thị Việt Hương

HÀ NỘI, 2016

LỜI CAM ĐOAN

*Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.
Các số liệu nêu trong luận văn là hoàn toàn trung thực.
Kết quả nghiên cứu của luận văn không có sự trùng lặp với bất kỳ
công trình nào đã công bố.*

Hà Nội, ngày tháng năm 2016

Tác giả

NGUYỄN THỊ KIM DUNG

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

XHCN:	Xã hội chủ nghĩa
Hội LHPN Việt Nam:	Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam
TW Hội LHPN Việt Nam:	Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam
MTTQ Việt Nam:	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
PBXH:	Phản biện xã hội
HĐND:	Hội đồng nhân dân
UBND:	Ủy ban nhân dân

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU...	.1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM.	8
1.1. Khái quát về Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam...	8
1.2. Cơ sở nhận thức và pháp luật về giám sát của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.....	11
1.3. Cơ sở nhận thức và pháp luật về phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.....	19
1.4. Mối quan hệ giữa giám sát và phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam...	24
1.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam	25
Chương 2: THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM...	29
2.1.Thực trạng hoạt động giám sát của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.....	29
2.2.Thực trạng hoạt động phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam...	37
2.3.Đánh giá chung về hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam	42
Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.....	48
3.1. Quan điểm nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.....	48
3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam.....	53
KẾT LUẬN.....	.66
TÀI LIỆU THAM KHẢO ...	68

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và của Đảng Cộng sản Việt Nam đều thống nhất về vai trò vị trí của Nhân dân, khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khẳng định Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân không chỉ là nguyên tắc cơ bản được ghi nhận trong hiến pháp mà còn gắn liền với việc thiết lập các cơ chế bảo đảm thực hiện quyền lực thực sự của nhân dân. Với tư cách là chủ thể của quyền lực, nhân dân không chỉ là người tạo lập nên Nhà nước của mình mà còn trực tiếp và thông qua các cơ quan đại diện cho mình thực thi quyền lực, kiểm soát quyền lực.

Để thực hiện quyền lực chính trị và quyền lực nhà nước theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền, giám sát và phản biện xã hội là yêu cầu khách quan, mang tính phổ biến, nó là một trong những bộ phận cấu thành hệ thống kiểm soát quyền lực nhằm khắc phục xu hướng lạm quyền, tha hóa quyền lực nhà nước. Ở Việt Nam, Nhà nước pháp quyền XHCN đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam. Trong điều kiện duy nhất một đảng cầm quyền, quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Trong điều kiện đó, hơn bao giờ hết vấn đề giám sát và phản biện xã hội là một phần tất yếu của quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền và thực thi dân chủ.

Hệ thống giám sát và phản biện xã hội ở nước ta gồm nhiều chủ thể, trong đó có MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội. Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội, là thành viên của MTTQ

Việt Nam được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ; giám sát, phản biện xã hội tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước.

Giám sát và phản biện xã hội là một trong những nhiệm vụ để Hội LHPN Việt Nam thực hiện tốt hơn chức năng đại diện chăm lo, bảo vệ quyền lợi phụ nữ. Do đó, từ Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ VI (nhiệm kỳ 1987-1992), Hội LHPN Việt Nam đã sớm được xác định thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện xã hội. Hiến pháp năm 2013 khẳng định địa vị pháp lý của Hội LHPN Việt Nam, Bộ chính trị ban hành “*Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*” (theo Quyết định số 217 - QĐ/TW ngày 12/12/2013) và “*Quy định về MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị- xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền*” (theo Quyết định số 218 - QĐ/TW ngày 12/12/2013) đã tạo ra cơ sở pháp lý quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để các cấp Hội LHPN Việt Nam chủ động thực hiện giám sát và phản biện xã hội đạt được những kết quả nhất định, bước đầu đã có tác động tích cực đến việc mở rộng dân chủ XHCN, phát huy quyền làm chủ của phụ nữ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam trong thực tế còn hình thức; chưa đồng đều ở các cấp; lúng túng trong lựa chọn nội dung, phương pháp giám sát, phản biện, dẫn đến hiệu quả, hiệu lực pháp lý chưa cao, chưa phát huy tốt vai trò đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hạn chế, bất cập nêu trên, trong đó có nguyên nhân một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa quan tâm đúng mức, chưa tạo điều kiện để các cấp Hội phát huy vai trò đại diện; trình độ năng lực của cán bộ Hội còn hạn chế nhất là năng lực về lồng ghép giới trong chính

sách, năng lực nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn để giám sát và phản biện xã hội đối với chính sách, pháp luật bình đẳng giới.

Xuất phát từ những lý do trên, học viên đã chọn đề tài “***Giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay***” làm đề tài nghiên cứu luận văn thạc sĩ Luật học với mong muốn sẽ góp phần làm sáng tỏ vai trò giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam, đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Trong thời gian qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu về giám sát, phản biện của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội. Trong số đó có thể kể đến một số công trình tiêu biểu như:

- Các đề tài nghiên cứu khoa học: TS. Thang Văn Phúc (2010), ”Mô hình đổi mới, hoàn thiện tổ chức và hoạt động của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội trong hệ thống chính trị giai đoạn 2010- 2015” Đề tài KX.10.03; TS. Nguyễn Thọ Ánh (2012), “Thực trạng thực hiện chức năng giám sát, PBXH của MTTQ Việt Nam hiện nay”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội; GS.TS Đào Trí Úc (2006), “Xây dựng cơ chế pháp lý đảm bảo sự kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng, Nhà nước và các thiết chế tổ chức trong hệ thống chính trị”; Vũ Như Hoa (2013), “Nâng cao chất lượng phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam ở nước ta hiện nay”, Luận án Tiến sĩ Chính trị học.

- Sách chuyên khảo: “Quyền giám sát của dân và các tổ chức chính trị- xã hội đối với cán bộ, công chức, đảng viên và bộ máy nhà nước”, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội 2007; “Cơ chế giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng và nhà nước, một số vấn đề lý luận và thực tiễn” của GS.TS Đào Trí Úc (chủ biên) (2010); “Cẩm nang giám sát và PBXH”, NXB Phụ nữ 2016.

- Luận văn thạc sĩ: *“Giám sát của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đối với hoạt động quản lý hành chính”* của Lê Kim Anh (2010), Đại học Luật Hà Nội; *“Giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ thực tiễn thành phố Hà Nội”*, Bùi Thị Thu (2015) Học viện khoa học xã hội”; *“Giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc thành phố Đà Nẵng”*, Hoàng Thị Ánh (2015), Học viện khoa học xã hội.

- Các bài viết đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành như: *“Phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc Việt Nam trong phản biện xã hội và giám sát xây dựng Đảng”* của tác giả Hoàng Hải, Tạp chí Xây dựng Đảng số 12/2006; *“Giám sát xã hội như một giải pháp phòng chống tham nhũng, lãng phí”* của Tạ Ngọc Tấn, tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam số 2/2007”; *“Những thuận lợi, khó khăn trong phản biện chính sách công ở Việt Nam”* của Nguyễn Thị Vân Hương, Tạp chí Quản lý nhà nước số 167/2009; Hoàng Minh Hội (2014), *“Thực trạng pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay và một số kiến nghị”*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội số 2/2014; Nguyễn Văn Pha (2016), *“Để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội”*, Tạp chí Xây dựng Đảng số 1+2/2016.

Nhìn chung các công trình, đề tài, bài viết nêu trên đã nghiên cứu vấn đề giám sát, phản biện xã hội của nhân dân, của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội ở các góc độ khác nhau cả về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, từ năm 2012 trở về trước chưa có công trình nào đề cập chuyên sâu, hệ thống về giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam theo quy định của Hiến pháp 2013, Quyết định số 217- QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI). Vì vậy, kế thừa những kết quả nghiên cứu trên, luận văn tập trung nghiên cứu về giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu:

Mục đích tổng quát của đề tài là nghiên cứu nhằm xây dựng cơ sở khoa học cho các giải pháp nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam góp phần phát huy dân chủ, đảm bảo quyền lực của nhân dân ở Việt Nam hiện nay.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu:

- Nghiên cứu làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận về giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam; làm rõ nguyên nhân của ưu điểm, hạn chế trong giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam.

- Đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

- Chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và nhà nước về giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam.

- Vị trí, vai trò, chức năng của Hội LHPN Việt Nam.

- Thực tiễn hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam.

4.2. Phạm vi nghiên cứu:

- *Phạm vi không gian:* Nghiên cứu về hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam trên cơ sở Quyết định số 217- QĐ/TW và Quyết định số 218- QĐ/TW của Bộ chính trị, Hiến pháp 2013, Luật Bình đẳng giới 2006, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015.

- *Phạm vi thời gian:* Nghiên cứu hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam giai đoạn 2012- 6/2016.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp luận

- Dựa trên quan điểm chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, về kiểm soát quyền lực nhà nước.

- Quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về thực thi quyền lực nhân dân, về vai trò của Hội LHPN Việt Nam trong giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được áp dụng để làm sáng tỏ những vấn đề liên quan đến đề tài bao gồm:

- Phương pháp nghiên cứu tổng hợp và phân tích tư liệu.
- Phương pháp so sánh luật học và xã hội học pháp luật.
- Phương pháp lịch sử.
- Phương pháp tiếp cận liên ngành, đa ngành khoa học xã hội.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

- Luận văn góp phần vào việc minh định khái niệm, nội dung, phạm vi, hình thức, quy trình giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam.

- Kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm rõ các giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam.

- Luận văn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo đối với những người làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, học tập nhất là đối với đội ngũ cán bộ Hội LHPN các cấp trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của Hội.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung luận văn gồm 3 chương :

Chương 1. Những vấn đề lý luận và pháp luật về giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Chương 2. Thực trạng hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Chương 3. Quan điểm và giải pháp nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

1.1. Khái quát về Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

1.1.1. Cơ cấu tổ chức, chức năng của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, Hội LHPN Việt Nam hình thành từ năm 1930, cùng thời kỳ với các tổ chức cách mạng khác như Công hội, Nông hội, Thanh niên. Đi qua chặng đường hơn 85 năm xây dựng và phát triển, tổ chức Hội được hình thành, không ngừng được củng cố, phát triển về hệ thống tổ chức.

Hội LHPN Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, liên hiệp, thống nhất hành động. Hội LHPN Việt Nam là tổ chức thống nhất trong cả nước với hệ thống tổ chức chặt chẽ ở 4 cấp: Trung ương; Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương (gọi chung là cấp tỉnh); Huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh và tương đương (gọi chung là cấp huyện); Xã, phường, thị trấn và tương đương (gọi chung là cấp cơ sở). Như vậy, hệ thống tổ chức Hội LHPN Việt Nam được thành lập tương ứng với hệ thống tổ chức hành chính nhà nước.

Cơ quan lãnh đạo Hội LHPN các cấp do bầu cử lập ra, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Cơ quan lãnh đạo ở mỗi cấp là Đại hội đại biểu hoặc Đại hội toàn thể hội viên của cấp đó. Giữa hai kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo mỗi cấp Hội là Ban Chấp hành cùng cấp. Giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành, cơ quan lãnh đạo là Đoàn Chủ tịch hoặc Ban Thường vụ cùng cấp.

Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khẳng định: Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội “*đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; cùng các tổ*

chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong MTTQ Việt Nam”.

Điều lệ Hội LHPN Việt Nam xác định chức năng của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam là *“Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước; Đoàn kết, vận động phụ nữ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới”*[14].

Vai trò đại diện của Hội LHPN Việt Nam được xác định cụ thể hơn thể hiện thông qua việc quy định Cơ quan Trung ương Hội LHPN Việt Nam *“có quyền trình dự án luật trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban thường vụ Quốc hội”* (Điều 84 Hiến pháp 2013) [17]; *“đại diện cơ quan Trung ương Hội LHPN Việt Nam có thể được mời dự các phiên họp công khai của Quốc hội”* (Điều 93 Luật Tổ chức Quốc hội 2014)[42]; *“người đứng đầu cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội được mời tham dự phiên họp của Chính phủ khi bàn các vấn đề có liên quan”* (Điều 101 Hiến pháp 2013); cơ quan Trung ương Hội LHPN Việt Nam *“có quyền đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh”* (Điều 159 Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật 2015) [48]. Đây là những cơ sở pháp lý quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi để Hội LHPN Việt Nam thực hiện giám sát và phản biện xã hội, kiến nghị và theo dõi các cơ quan có thẩm quyền tiếp thu kiến nghị, đề xuất của Hội.

1.1.2.Vai trò, vị trí của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam trong hệ thống chính trị

Để thực hiện tốt chức năng của tổ chức đại diện cho các tầng lớp phụ nữ, Hội LHPN Việt Nam có các vai trò cụ thể thông qua các nhiệm vụ được giao:

Một là, tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng, lý tưởng cách mạng, phẩm chất đạo đức, lối sống; đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

Hai là, vận động các tầng lớp phụ nữ chủ động, tích cực thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; vận động, hỗ trợ phụ nữ nâng cao năng lực, trình độ, xây dựng gia đình hạnh phúc; chăm lo cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ;

Ba là, tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, PBXH và giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, gia đình và trẻ em;

Bốn là, xây dựng, phát triển tổ chức Hội vững mạnh;

Năm là, đoàn kết, hợp tác với phụ nữ các nước, các tổ chức, cá nhân tiến bộ trong khu vực và thế giới vì bình đẳng, phát triển và hòa bình.”

Như vậy, giám sát và PBXH là một trong năm nhiệm vụ trọng tâm của Hội LHPN Việt Nam để Hội thực hiện chức năng đại diện của tổ chức mình.

Để đảm bảo cho Hội LHPN Việt Nam thực hiện vai trò, trách nhiệm giám sát, PBXH, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, Hiến pháp quy định “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động*”.

Hội LHPN Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị Việt Nam, có địa vị pháp lý được xác lập bằng chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, các quy định trong Hiến pháp và pháp luật. Là một thành tố của hệ thống chính trị, Hội LHPN Việt Nam có mối quan hệ gắn bó hữu cơ

với các thành tố khác trong hệ thống gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội.

Trong mối quan hệ với Nhà nước, Hội LHPN Việt Nam được nhà nước thừa nhận và bảo hộ bằng việc quy định các quyền và nghĩa vụ pháp lý của tổ chức Hội. Theo đó, Hội không phải là bộ phận trong cơ cấu của bộ máy nhà nước nhưng Hội có quyền tham gia quản lý nhà nước, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm trong việc đảm bảo cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý Nhà nước.

Khi xây dựng dự án luật, dự thảo nghị quyết trình Quốc hội, dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết trình Ủy ban thường vụ Quốc hội, dự thảo nghị định của Chính phủ, Chính phủ gửi dự thảo văn bản phủ đề Trung ương Hội tham gia ý kiến; Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi để Trung ương Hội LHPN Việt Nam giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức và viên chức; *“Chính phủ có trách nhiệm nghiên cứu và trả lời các kiến nghị của Trung ương Hội LHPN Việt Nam”*(Điều 26 Luật Tổ chức Chính phủ)[46]; *“HĐND, UBND phối hợp với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể nhân dân động viên Nhân dân cùng Nhà nước thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương”* [17,tr.63].

1.2. Cơ sở nhận thức và pháp luật về giám sát của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

1.2.1. Khái niệm, tính chất, vai trò giám sát của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Giám sát là thuật ngữ được giải thích trong từ điển Tiếng Việt và được sử dụng khá phổ biến trong nhiều văn bản của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thống nhất trong cách hiểu về khái niệm này.

Theo từ điển tiếng Việt *“Giám sát là theo dõi và kiểm tra xem có thực hiện đúng những điều quy định không”* [55, tr.389]. Theo Từ điển Luật học, *“Giám sát là sự theo dõi, quan sát hoạt động mang tính chủ động thường*

xuyên, liên tục và sẵn sàng tác động bằng biện pháp tích cực để buộc và hướng hoạt động của đối tượng chịu sự giám sát đi đúng quỹ đạo, quy chế nhằm đạt được mục đích, hiệu quả đã được xác định từ trước, đảm bảo cho pháp luật được tuân theo nghiêm chỉnh”[54, tr.174].

Theo cuốn “Tìm hiểu một số thuật ngữ trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng”: *“Giám sát là sự theo dõi, kiểm tra, phát hiện, đánh giá của cá nhân, tổ chức, cộng đồng người này đối với cá nhân, tổ chức, cộng đồng người khác trong các lĩnh vực hoạt động kinh tế- xã hội; trong việc thực hiện chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, Hiến pháp, pháp luật, chính sách của Nhà nước, các quyền, nghĩa vụ công dân, của các tổ chức chính trị- xã hội và những kiến nghị phát huy ưu điểm, thành tựu, xử lý đối với các nhân, tổ chức có những hành vi sai trái”[10, tr.149].*

Như vậy, có nhiều chủ thể tham gia hoạt động giám sát song dưới góc độ nhìn nhận giám sát là hoạt động giám sát quyền lực nhà nước thì giám sát được hiểu là sự theo dõi, kiểm tra đối với việc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước, bao gồm hoạt động giám sát bên trong (của các cơ quan trong bộ máy nhà nước) và giám sát bên ngoài bộ máy nhà nước (của các tổ chức chính trị, đoàn thể chính trị- xã hội, tổ chức xã hội đối với nhà nước).

Giám sát của Hội LHPN Việt Nam được hiểu là giám sát bên ngoài bộ máy nhà nước, là “giám sát xã hội”. Giám sát xã hội phát hiện cả những việc làm tốt, chưa tốt và chỉ dừng lại ở mức “đánh giá, kiến nghị”, tức là áp dụng các biện pháp tác động mang tính xã hội vào hoạt động của đối tượng bị giám sát (sự nhận xét, đánh giá, kiến nghị từ phía xã hội, từ đó đối tượng bị giám sát tự chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong quá trình hoạt động của mình), không có quyền yêu cầu hoặc bắt buộc cơ quan, tổ chức phải tiến hành xử lý một vụ việc cụ thể nào đó. Việc có xử lý hay không xử lý, xác định kết quả, kiến nghị giám sát đó đúng hay sai phụ thuộc vào quyền và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát theo pháp luật và các quy định hiện hành.

Theo Quyết định số 217- QĐ/TW của Bộ chính trị ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị-xã hội”, “*Giám sát là việc theo dõi, phát hiện, xem xét; đánh giá, kiến nghị nhằm tác động đối với cơ quan, tổ chức và cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước về việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước*”[12].

Từ những phân tích trên, có thể đưa ra khái niệm về giám sát của Hội LHPN Việt Nam như sau: Giám sát của Hội LHPN Việt Nam là việc Hội LHPN các cấp theo dõi, xem xét, đánh giá hoạt động của cơ quan, tổ chức, đại biểu dân cử, công chức, viên chức trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nhằm kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý những sai sót, khuyết điểm đồng thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, những mặt tích cực; phát huy quyền làm chủ của nhân dân góp phần kiểm soát quyền lực nhà nước, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy Đảng và Nhà nước.

Xét về tính chất, giám sát của Hội LHPN Việt Nam mang tính nhân dân, tính dân chủ XHCN, tính xây dựng, tính khoa học và thực tiễn.

Tính nhân dân thể hiện bản chất của Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Nhân dân thực hiện quyền kiểm soát quyền lực nhà nước trực tiếp với tư cách chủ thể quyền lực hoặc thông qua các tổ chức đại diện mà mình là thành viên, trong đó có Hội LHPN Việt Nam- tổ chức đại diện cho giới nữ. Tính nhân dân thể hiện rõ nhất ở việc vận động đông đảo nhân dân tham gia giám sát, theo dõi, phát hiện, cung cấp thông tin, kiến nghị, phản ánh.

Tính dân chủ XHCN thể hiện bản chất của chế độ ta là tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân, Đảng, Nhà nước chịu sự giám sát của nhân dân,

thể hiện quyền và trách nhiệm của nhân dân trong xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Tính xây dựng xuất phát từ mục đích giám sát của Hội LHPN Việt Nam là nhằm góp phần xây dựng và thực hiện đúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; kịp thời phát hiện những sai sót, khuyết điểm, yếu kém và kiến nghị sửa đổi, bổ sung các chính sách cho phù hợp; phát hiện, phổ biến những nhân tố mới, những mặt tích cực góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Tính khoa học và thực tiễn của hoạt động giám sát đòi hỏi việc theo dõi, xem xét, đánh giá, kiến nghị các cơ quan, tổ chức cần phải có đầy đủ căn cứ lý luận và thực tiễn; phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, phù hợp với tình hình đất nước; không làm cản trở hoạt động của các cơ quan tổ chức, đơn vị, cá nhân được giám sát; tôn trọng các ý kiến khác nhau nhưng không trái với quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nhân dân, lợi ích quốc gia, dân tộc.

1.2.2. Nội dung, phạm vi giám sát của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Theo khoản 2 Điều 5 Quy chế giám sát và phản biện xã hội thì Hội LHPN Việt Nam giám sát “*việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia) của cơ quan, tổ chức và cá nhân*”. Như vậy, nội dung giám sát của Hội LHPN Việt Nam là rất rộng do đó việc phân định phạm vi giám sát có ý nghĩa quan trọng nhằm đảm bảo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả, thống nhất và tránh trùng lặp với hoạt động giám sát của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội khác.

Phạm vi giám sát Hội LHPN Việt Nam được xác định đối với hai nhóm đối tượng: 1) đối với cơ quan, tổ chức; 2) đối với cá nhân. Đối với nhóm đối tượng là cá nhân, Hội thực hiện giám sát đối với cán bộ, đảng viên, đại biểu dân cử, công chức, viên chức nhà nước ở nơi công tác và cư trú. Đối với nhóm chủ thể là cơ quan, tổ chức thì phạm vi giám sát của Hội LHPN Việt Nam

được xác định trên cơ sở vị trí, vai trò, chức năng và nhiệm vụ của Hội. Theo đó, Hội LHPN Việt Nam “*Chủ trì giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước của cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, hội viên, phụ nữ, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia; phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác thực hiện giám sát những nội dung có liên quan*” (Hướng dẫn số 10/HD-ĐCT của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam về việc thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) [51].

Những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, hội viên, phụ nữ thuộc phạm vi giám sát của Hội LHPN Việt Nam được quy định trong nhiều văn bản pháp luật bao gồm: giám sát việc thực hiện pháp luật bình đẳng giới (khoản 3 Điều 29 Luật Bình đẳng giới 2006); giám sát thực hiện pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình (khoản 3 Điều 33 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2007); giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống mua bán người (khoản 5 Điều 17 Luật Phòng, chống mua bán người 2011); giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại (khoản 1 Điều 66 Luật Khiếu nại 2011); giám sát việc thi hành pháp luật về tố cáo (khoản 1 Điều 44 Luật Tố cáo 2011); giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về người cao tuổi (khoản 2 Điều 5 Luật Người cao tuổi 2009); giám sát thực hiện chính sách, pháp luật về quyền của trẻ em (khoản 1 Điều 91 Luật Trẻ em 2016); giám sát chính sách an sinh xã hội cho phụ nữ (Luật Bảo hiểm xã hội, Luật Bảo hiểm y tế); chế độ chính sách cho lao động nữ (Bộ Luật lao động, Luật An toàn, vệ sinh lao động); giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng (Điều 85 Luật Phòng, chống tham nhũng).

Những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội thuộc phạm vi giám sát của Hội như: giám sát việc thực hiện quy định về công tác cán bộ nữ, công tác phụ nữ (Nghị quyết số 11 –NQ/TW của Bộ

Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước); việc thực hiện quy định về trách nhiệm của Chính phủ tạo điều kiện thuận lợi để Trung ương Hội LHPN Việt Nam giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, đại biểu dân cử, cán bộ, công chức và viên chức (Luật Tổ chức Chính phủ 2015); việc thực hiện quy định về trách nhiệm của các cơ quan chức năng tạo điều kiện cho Hội LHPN tham gia quản lý nhà nước (Nghị định số 56/2012/NĐ-CP quy định trách nhiệm của các bộ, ngành, UBND các cấp trong việc đảm bảo cho các cấp Hội LHPN Việt Nam tham gia quản lý nhà nước).

1.2.3. Hình thức giám sát của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Hội LHPN Việt Nam thực hiện giám sát với vai trò “chủ trì” hoặc “phối hợp”. Khi thực hiện vai trò chủ trì, Hội chủ động xây dựng Kế hoạch, báo cáo cấp uỷ, chính quyền cùng cấp; thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giám sát để được hỗ trợ triển khai. Với tư cách là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, khi thực hiện vai trò phối hợp, Hội cử đại diện tham gia các đoàn giám sát theo chương trình ký kết hàng năm hoặc đột xuất theo đề nghị của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam. Theo Quy chế giám sát và phản biện xã hội, Hướng dẫn số 10/HD-ĐCT của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam, hoạt động giám sát của Hội LHPN Việt Nam được thực hiện chủ yếu bằng các hình thức cơ bản sau:

Thứ nhất, tổ chức đoàn giám sát. Đây là một trong những hình thức giám sát trực tiếp mà Hội chủ trì thực hiện. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là Hội hoàn toàn độc lập giám sát mà tùy từng nội dung giám sát, khi thành lập đoàn, Hội mời các cơ quan, tổ chức có liên quan tham gia đoàn giám sát và thông báo với đối tượng được giám sát chuẩn bị các điều kiện theo yêu cầu đoàn giám sát. “Việc thành lập đoàn giám sát hay không do các cấp Hội quyết định trên cơ sở thực tế và phải được thể hiện trong chương trình, kế hoạch”[51].

Thứ hai, giám sát thông qua cử đại diện tham gia các đoàn giám sát do các cơ quan dân cử, các cơ quan, tổ chức khác đề nghị. Theo Quy chế giám sát và phản biện xã hội, tại Điều 7 quy định “*Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia các hoạt động giám sát do các cơ quan dân cử đề nghị*”. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật thì phạm vi phối hợp giám sát của Hội LHPN Việt Nam rộng hơn nhiều: Hội tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về phụ nữ, trẻ em, phòng, chống bạo lực gia đình và bình đẳng giới trong các lĩnh vực có liên quan do các Bộ ngành, UBND cùng cấp tổ chức (Điều 4 Nghị định số 56/2012/NĐ- CP của Chính phủ [5]); tham gia đoàn giám sát của MTTQ Việt Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 2015), Thông tri số 04/TTr- MTTW-BTT của Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam [53].

Thứ ba, giám sát thông qua việc tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của hội viên, phụ nữ. Việc phản ánh, kiến nghị của hội viên, phụ nữ về tổ chức thực hiện chính sách pháp luật ở cơ sở sẽ là những thông tin để Hội xem xét, đánh giá, phát hiện chính sách, pháp luật đã được thực hiện trong thực tế. Việc thu thập ý kiến phản ánh của hội viên, phụ nữ, nhân dân có thể thông qua nhiều kênh trong đó khảo sát thực tế cũng là phương pháp tốt để có cơ sở thực tiễn kiến nghị.

Thứ tư, giám sát qua đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của hội viên, phụ nữ gửi Hội LHPN các cấp. Đây là hình thức giám sát gián tiếp nên để có đầy đủ cơ sở đánh giá, kiến nghị Hội LHPN Việt Nam có quyền đề nghị các tổ chức, cá nhân có đơn thư khiếu nại, phản ánh, kiến nghị cung cấp thêm các thông tin, tài liệu liên quan. Để phát huy được hiệu quả thì cần đồng thời kết hợp thực hiện với các hình thức giám sát khác như khảo sát thực tế, lắng nghe ý kiến của hội viên, phụ nữ để đảm bảo tính chính xác, thực tiễn.

Căn cứ tình hình thực tiễn, Hội LHPN các cấp lựa chọn các phương pháp giám sát phù hợp, cần phải kết hợp các hình thức giám sát trực tiếp và

gián tiếp, trong đó chú trọng hình thức giám sát trực tiếp như tổ chức đoàn giám sát, tiếp thu ý kiến phản ánh của hội viên, phụ nữ, tổ chức khảo sát thực tế.

1.2.4. Quy trình giám sát của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Quy chế giám sát và phản biện xã hội không quy định cụ thể quy trình giám sát song qua nghiên cứu văn bản hướng dẫn của Hội LHPN Việt nam và từ thực tiễn hoạt động giám sát của các cấp Hội có thể nhận thấy quy trình giám sát của Hội LHPN Việt Nam về cơ bản bao gồm các bước sau: 1) Chuẩn bị giám sát; 2) Tổ chức giám sát; 3) Báo cáo kết quả giám sát; 4) Theo dõi việc thực hiện các kiến nghị giám sát. Vấn đề quan trọng nhất trong bước chuẩn bị đó là chọn vấn đề giám sát, xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát và cuối cùng là báo cáo cấp ủy, chính quyền cùng cấp và thống nhất với cơ quan quản lý nhà nước liên quan. Tổ chức giám sát, thực chất là việc thực hiện thu thập thông tin từ các nguồn khác nhau; tổng hợp, phân tích các thông tin thu được làm cơ sở để đánh giá, xây dựng báo cáo kết quả giám sát. Báo cáo kết quả giám sát phải nêu rõ những nhận xét, đánh giá về từng nội dung đã tiến hành giám sát gồm cả ưu điểm và hạn chế và kiến nghị, đề xuất cụ thể. Trên cơ sở báo cáo kết quả giám sát, Hội LHPN Việt Nam gửi văn bản kiến nghị cho cơ quan, tổ chức được giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Sau khi kết thúc giám sát, Hội LHPN các cấp theo dõi chặt chẽ việc giải quyết đối với những kiến nghị đã gửi tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân; đề nghị xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân không giải quyết hoặc giải quyết không đúng quy định của pháp luật đối với những kiến nghị này.

Trên đây là quy trình chung khi Hội LHPN các cấp thực hiện vai trò chủ trì giám sát. Trong thực tế, mỗi nội dung, hình thức giám sát có những đặc điểm và yêu cầu khác nhau nên Hội LHPN các cấp cần phải linh hoạt trong tổ chức thực hiện để đạt được mục tiêu, yêu cầu của giám sát. Khi tham gia là thành viên đoàn giám sát do các cơ quan, tổ chức khác chủ trì tổ chức thì thực hiện theo quy trình của các cơ quan, tổ chức đó.

1.3. Cơ sở nhận thức và pháp luật về phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

1.3.1. Khái niệm, tính chất, vai trò phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Phản biện là khái niệm thường được đề cập trong hoạt động khoa học. Theo từ điển Tiếng Việt, phản biện được hiểu là “*xem xét, đánh giá chất lượng công trình khoa học trước một hội đồng chấm thi, nghiệm thu đề tài*”[55, tr. 375].

Trong cuốn "Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng" *"Phản biện là nhận xét, đánh giá, bình luận, thẩm định công trình khoa học, dự án, đề án trong các lĩnh vực khác nhau, là sự phát hiện sai trái và có lập luận về sự sai trái, bắt buộc giải trình"* [10, tr151]

Như vậy, phản biện là nhận xét, đánh giá thẩm định chất lượng khoa học của một công trình, dự án, đề án, có nội hàm là bàn luận theo hướng ngược lại trên cơ sở vận dụng lý lẽ, luận chứng đánh giá nhưng hoàn toàn không phải là phản bác thuần túy mà làm rõ cái đúng, cái chưa đúng trên cơ sở khoa học, thực tiễn và mang tính xây dựng.

Phản biện xã hội là khái niệm chưa có trong từ điển Tiếng Việt nhưng xuất hiện trong đời sống dân chủ của đất nước ta thời kỳ đổi mới. Trong cuốn "Tìm hiểu một số thuật ngữ trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng", khái niệm phản biện xã hội được giải thích: “*Phản biện xã hội là sự phản biện nói chung, nhưng là phản biện nằm ngoài nhà nước, mang tính xã hội, có quy mô và lực lượng rộng rãi hơn xã hội, của nhân dân và của các nhà khoa học về nội dung, phương hướng, chủ trương, chính sách, giải pháp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Đảng, Nhà nước và các tổ chức liên quan*”[10, tr151].

Theo Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội, *“Phản biện xã hội là việc nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước”*.

Tựu chung lại, phản biện xã hội gồm một loạt các hoạt động nhận xét, đánh giá, thể hiện chính kiến, kiến nghị và có các đặc điểm là: gắn liền và phản ánh quan điểm của các tầng lớp xã hội; PBXH với động cơ là xây dựng, kết thúc là đưa ra kiến nghị. Việc tiếp thu ý kiến PBXH đến đâu, đánh giá việc nhận xét, kiến nghị PBXH của MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị- xã hội như thế nào là quyền của cơ quan, tổ chức được phản biện.

Từ phân tích trên, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam là việc Hội LHPN các cấp nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của nhà nước (trừ những vấn đề thuộc bí mật quốc gia).

Cũng giống như hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam mang tính nhân dân, tính dân chủ XHCN, tính xây dựng, tính khoa học và thực tiễn. Bởi lẽ, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước đều phục vụ lợi ích của đại đa số nhân dân, PBXH để kiến nghị những nội dung thiết thực, góp phần bảo đảm tính đúng đắn, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính hiệu quả; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, bảo đảm sự tham gia của hội viên và nhân dân trong việc hoạch định chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Mục đích của PBXH không phải là phản đối, phản bác, phản kháng mà nhằm phát hiện những nội dung còn thiếu, chưa sát, chưa đúng, chưa phù hợp trong các văn bản dự thảo của các cơ quan Đảng, Nhà nước để xây dựng được chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật đúng, phù hợp, thiết thực nhằm tổ chức thực hiện được tốt, phát huy dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.

Quá trình phản biện xã hội có thể có là phản bác nhưng động cơ là xây dựng và không dừng lại ở đó mà còn kiến nghị, sửa đổi, điều chỉnh, bổ sung. Phản biện để tạo nên sự đồng thuận, để chọn được phương án tốt nhất. Phản biện mang tính khoa học và thực tiễn bởi vì góp ý/phản biện xã hội của Hội được xem xét chấp nhận thì phải có sự lập luận chặt chẽ, có căn cứ khoa học (lý luận và thực tiễn) mới thuyết phục được các cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện.

1.3.2. Nội dung, phạm vi phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Căn cứ vào Quy chế giám sát và phản biện xã hội, nội dung phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam được xác định đó là *các văn bản dự thảo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Nhà nước*. Tuy nhiên, không phải mọi dự thảo chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trước khi ban hành đều thuộc phạm vi PBXH của Hội LHPN Việt Nam. Theo Hướng dẫn số 10/HD- ĐCT ngày 4/6/2014 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam: *“Hội LHPN các cấp chủ trì PBXH các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên phụ nữ, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của Hội*. Ngoài ra, *Hội có thể phối hợp với MTTQ Việt Nam thực hiện nhiệm vụ PBXH”*. Như vậy, với vai trò phối hợp thì phạm vi phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam không chỉ giới hạn trong những vấn đề *”liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích của hội viên phụ nữ, tổ chức Hội”* mà cả những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của nhân dân, của cộng đồng nói chung.

Hội LHPN Việt Nam tập trung phản biện về sự cần thiết, tính cấp thiết của văn bản dự thảo; sự phù hợp của văn bản dự thảo với chủ trương, đường

lời của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, thực tiễn của đơn vị, địa phương; tính đúng đắn, khoa học, phù hợp với thực tiễn đời sống xã hội và tính khả thi của văn bản dự thảo; dự báo tác động, hiệu quả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại của văn bản dự thảo (Khoản 2 Điều 9 Quy chế giám sát và phản biện xã hội). Từ góc độ chức năng, nhiệm vụ của Hội và trong thực tế thì Hội LHPN Việt Nam quan tâm, trú trọng phản biện dưới góc độ giới ở cả bốn nội dung trên và kiến nghị việc lồng ghép bình đẳng giới trong dự thảo các văn bản.

1.3.3. Hình thức phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Hình thức phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam được thực hiện với các cấp độ khác nhau, tùy thuộc vào nội dung, tính chất của vấn đề phản biện, điều kiện cụ thể từng địa phương, từng cấp Hội. Theo Quy chế giám sát và phản biện xã hội, Hướng dẫn số 10/HD- ĐCT ngày 4/6/2014 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam, các cấp Hội thực hiện phản biện với các hình thức sau:

Một là, tổ chức hội nghị phản biện. Cấp nào phản biện xã hội thì tổ chức hội nghị ban chấp hành cấp đó. Khi tổ chức hội nghị phản biện cần mời đại diện có trách nhiệm của cơ quan, tổ chức yêu cầu PBXH tới dự để lắng nghe, tiếp thu các kiến nghị đề xuất của Hội.

Hai là, tổ chức lấy ý kiến phản biện của hội viên, phụ nữ, lấy ý kiến của một số cấp Hội, gửi văn bản dự thảo đến các cơ quan/tổ chức/cá nhân có liên quan để lấy ý kiến phản biện. Tất cả các ý kiến được tập hợp từ các nguồn trên được Hội LHPN các cấp nghiên cứu, thẩm định và tổng hợp thành văn bản góp ý gửi tới cơ quan có thẩm quyền.

Ba là, tổ chức đối thoại trực tiếp với cơ quan, tổ chức có văn bản dự thảo. Đây là hình thức rất mới nhưng rất cần thiết đối với Hội LHPN Việt Nam khi thực hiện PBXH. Khi đối thoại, Hội LHPN Việt Nam có cơ hội để phân tích, đưa ra những lý lẽ thuyết phục đối với các cơ quan tổ chức mà với hình thức phản biện khác chưa hiệu quả.

Trong thực tế, ngoài ba hình thức trên, Trung ương Hội LHPN Việt Nam thực hiện phản biện xã hội thông qua hình thức cử đại diện của Hội tham gia ban soạn thảo, tổ biên tập, tham gia các hội thảo góp ý do các cơ quan, tổ chức khác tổ chức. Khi được phân công tham gia Ban soạn thảo, Tổ biên tập thì các cá nhân phát biểu, góp ý, phản biện với tư cách đại diện của Hội LHPN Việt Nam và trên quan điểm, chính kiến của Hội vào dự thảo văn bản.

1.3.4. Quy trình phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Vai trò phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam được ghi nhận trong Hiến pháp và nhiều văn bản pháp luật song chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định về quy trình phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam. Căn cứ theo Quy chế giám sát và phản biện xã hội, Hướng dẫn của Trung ương Hội LHPN Việt Nam thì Quy trình phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam được thực hiện theo gồm 4 bước: 1) xây dựng kế hoạch phản biện; 2) thu thập thông tin; 3) viết các văn bản phản biện; 4) Theo dõi việc tiếp thu kiến nghị.

Xây dựng kế hoạch PBXH phải phù hợp với kế hoạch, yêu cầu phản biện của cơ quan, tổ chức cần phản biện. Điều quan trọng nhất khi xây dựng Kế hoạch là phải xác định vấn đề phản biện, báo cáo với cấp ủy và thống nhất với cơ quan Nhà nước liên quan cùng cấp; kịp thời bổ sung nội dung PBXH (khi có yêu cầu). Căn cứ vào đối tượng và nội dung PBXH để xác định thu thập những thông tin phù hợp. Thông tin phải được sắp xếp, tổng hợp theo các nội dung PBXH. Các phương pháp thường sử dụng để thu thập thông tin là: nghiên cứu văn bản, tài liệu, tổ chức tọa đàm, hội thảo, hội nghị đóng góp ý kiến, bảng hỏi, gửi văn bản lấy ý kiến, khảo sát thực tế...Đối với những vấn đề chuyên sâu, Hội có thể tham khảo ý kiến các nhà khoa học, chuyên gia, các cơ quan, tổ chức nghiên cứu...Trên cơ sở tổng hợp thông tin, cần tiến hành viết văn bản PBXH. Văn bản phải có chữ ký của người có thẩm quyền và đóng dấu, gửi đến cơ quan tổ chức yêu cầu phản biện. Sau khi gửi ý kiến phản

biện, phải theo dõi việc tiếp thu ý kiến PBXH của cơ quan, tổ chức yêu cầu PBXH. Nếu cơ quan, tổ chức yêu cầu PBXH không tiếp thu ý kiến PBXH, Hội LHPN có thể yêu cầu tổ chức đối thoại.

1.4. Mối quan hệ giữa giám sát và phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Mối quan hệ giữa giám sát và PBXH được xem xét trong chu trình xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Hoạt động PBXH được thực hiện khi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong giai đoạn dự thảo (chưa ban hành). Hoạt động giám sát tiến hành trong quá trình tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước (đã ban hành). Mặc dù là hai quá trình khác nhau nhưng đều là phương thức kiểm soát quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước nên giám sát và PBXH có mối quan hệ mật thiết với nhau.

Giám sát và PBXH có một số thao tác giống nhau đó là việc nhận xét, đánh giá, kiến nghị, điều tác động đến các cơ quan có thẩm quyền quyết định. Giám sát và phản biện có thể khác về đối tượng, nội dung, phương pháp nhưng có mối quan hệ hữu cơ, tương tác, nội dung này làm tiền đề cho nội dung kia.

Trước hết, giám sát là tiền đề cho PBXH, bởi lẽ: Qua giám sát sẽ theo dõi chính sách, pháp luật đã ban hành còn đúng, phù hợp và đáp ứng yêu cầu đòi hỏi thực tiễn không, đã đảm bảo cụ thể hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng hay chưa. Từ đó, phát hiện những bất cập trong quy định, chính sách, những chính sách đã được quy định trong Luật chưa có văn bản hướng dẫn thi hành, còn mâu thuẫn, chồng chéo với các văn bản khác. Kết quả giám sát quá trình thực hiện cho biết chính sách, pháp luật hiện hành có khả thi không, có được thực hiện đầy đủ không. Những thông tin thực tiễn này là cơ sở, bằng chứng cho Hội LHPN Việt Nam thực hiện PBXH. Thực tế, có trường

hợp giám sát là khâu khởi đầu để theo dõi, thu thập thông tin làm luận chứng trong PBXH.

Mặt khác, phản biện xã hội góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho giám sát. Quá trình PBXH nhân dân vừa là người tham gia xây dựng nhưng đồng thời vừa là người thực hiện. Khi nhân dân được góp ý kiến ngay từ khâu dự thảo chính sách giúp họ hiểu đầy đủ hơn mục đích, ý nghĩa của chính sách sẽ ban hành và từ đó tạo sự đồng thuận trong xã hội và là tiền đề thuận lợi cho việc thực thi, giám sát việc thực thi chính sách. Phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam mang tính xã hội và không mang tính quyền lực nhà nước, những kiến nghị của Hội không mang tính áp đặt đối với chủ thể yêu cầu phản biện. Do đó, kết quả PBXH được đối tượng phản biện tiếp thu, xử lý đến đâu, có đúng không phải thông qua việc giám sát kiểm nghiệm.

Giám sát, phản biện xã hội đều hướng tới hình thành hệ thống các quyết sách khoa học và đảm bảo được thực thi trong cuộc sống. Do đó, hai quá trình này có thể chuyển hóa cho nhau. *”Xét cho đến cùng, phản biện dự thảo chính sách cũng là giám sát, nhưng là giám sát đối với quá trình hoạch định chính sách của cơ quan có thẩm quyền ban hành chính sách. Xét cho đến cùng, giám sát cũng là phản biện, nhưng phản biện quá trình đưa chính sách vào cuộc sống. Như thế phản biện vừa cả với chủ thể có nhiệm vụ thực thi chính sách, vừa cả với chủ thể ban hành chính sách”* [20, tr160].

Như vậy, giám sát và PBXH là yêu cầu tất yếu khách quan trong quá trình hoạch định và thực thi quyết sách của các chủ thể quyền lực, là công cụ kiểm soát quyền lực, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân.

1.5. Các yếu tố ảnh hưởng tới hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

1.5.1. Yếu tố chính trị, nhận thức

Giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam không phải là vấn đề hoàn toàn mới mẻ. Cái mới ở chỗ, một mặt nhiệm vụ giám sát và phản biện

của Hội LHPN Việt Nam được Đảng ta nhấn mạnh và đặt ra yêu cầu cao trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,XI,XII của Đảng, mặt khác đã được Đảng ta “luật hóa” thành Quy chế giám sát và phản biện xã hội, được Nhà nước ghi nhận trong Hiến pháp, là cơ sở pháp lý quan trọng để mọi cơ quan, tổ chức cá nhân thực hiện. Đây là bước phát triển mới trong nhận thức của Đảng về dân chủ nhằm phát huy ý thức trách nhiệm, trí tuệ của nhân dân và các tổ chức đại diện cho nhân dân vào việc xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính khả thi khi chủ trương, chính sách, pháp luật đó được ban hành, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

Với đặc điểm của hệ thống chính trị nước ta “*có một Đảng duy nhất cầm quyền, cơ chế quyền lực nhà nước tập quyền XHCN... đã đặt sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động của Nhà nước và nền dân chủ XHCN vào trạng thái không có đối trọng. Trong bối cảnh đó, không thể không nói đến nguy cơ chủ quan, lạm quyền và quan liêu trong bộ máy Đảng và Nhà nước*” [34, tr.33]. Để đảm bảo cho sự lãnh đạo của Đảng và thực thi quyền lực của Nhà nước luôn đúng đắn, thể hiện đầy đủ ý chí nguyện vọng của nhân dân, cần có cơ chế đảm bảo sao cho chủ trương, đường lối lãnh đạo của Đảng phải được sự phản biện; quyền lực Nhà nước phải được giám sát. Ở nước ta, sự giám sát một mặt mang tính nhà nước được tiến hành từ các cơ quan quyền lực nhà nước, mặt khác, rất quan trọng là giám sát của xã hội, mang tính nhân dân, mà một trong những hình thức giám sát đó là giám sát của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội.

1.5.2. Yếu tố pháp luật

Pháp luật là yếu tố quan trọng, là cơ sở pháp lý hữu hiệu đảm bảo cho Hội LHPN Việt Nam thực hiện quyền giám sát, PBXH. Các quy định pháp luật đó cũng là thước đo đánh giá mức độ mở rộng dân chủ, tạo điều kiện để

nhân dân thực hiện quyền làm chủ, tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

Giám sát, PBXH của Hội LHPN Việt Nam được quy định trong Hiến pháp năm 2013 và nhiều văn bản pháp luật: Luật Bình đẳng giới 2006 (Điều 29,30); Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật 2015 (Điều 6); Luật phòng, chống bạo lực gia đình 2007 (Điều 33); Luật phòng chống mua bán người (Điều 17); Luật Khiếu nại 2011 (Điều 66); Luật Tố cáo 2011(Điều 44); Luật người cao tuổi 2009 (Điều 5); Luật Phổ biến giáo dục pháp luật 2012 (Điều 29); Luật Bảo vệ môi trường 2014 (Điều 145)...Như vậy, trong hệ thống pháp luật Việt Nam có nhiều quy định về giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam tuy nhiên mới dừng lại ở việc ghi nhận quyền và trách nhiệm; quy định nhà nước, các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm tạo điều kiện để Hội thực hiện nhiệm vụ này mà thiếu các quy định cụ thể về biện pháp bảo đảm.

1.5.3. Yếu tố văn hóa- xã hội

Yếu tố văn hóa gắn liền với một phạm vi không gian xã hội nhất định, nơi các cá nhân và cộng đồng người tổ chức các hoạt động sống, lao động, sinh hoạt, cùng nhau tạo dựng, thừa nhận và chia sẻ các giá trị văn hóa, lối sống, phong tục, tập quán, lễ nghi, tín ngưỡng...Với những mặt khác, những khía cạnh của mình, các yếu tố văn hóa có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hoạt động giám sát, PBXH. Khi các cấp Hội LHPN Việt Nam thực hiện giám sát, PBXH cũng cần am hiểu tình hình văn hóa xã hội, lựa chọn vấn đề, nội dung sát với thực tế, phù hợp với vào đặc điểm văn hóa, xã hội (phong tục tập quán, trình độ dân trí...) ở mỗi địa phương.

1.5.4. Yếu tố nguồn lực

Để thực hiện có hiệu quả giám sát và PBXH thì cần có nguồn lực đảm bảo, gồm nhân lực (người thực hiện) và vật lực (cơ sở vật chất, kinh phí). Khi thực hiện giám sát và PBXH có thể huy động tham gia của các tầng lớp phụ nữ song nòng cốt, quan trọng vẫn là đội ngũ cán bộ Hội. Chất lượng đội ngũ

cán bộ quyết định đến chất lượng giám sát, PBXH. Đội ngũ cán bộ phải đảm bảo đủ về số lượng, về phẩm chất, năng lực, bản lĩnh, kinh nghiệm. Lĩnh vực giám sát, PBXH là vô cùng rộng lớn đòi hỏi các cấp Hội phải huy động đội ngũ chuyên gia về pháp luật, về giới, nữ trí thức, cộng tác viên các ngành, các đơn vị truyền thông của Hội; phải có sự phối hợp với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội khác để tập trung nguồn lực, triển khai một cách đồng bộ.

Kinh phí bảo đảm thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện cũng là một yếu tố quan trọng. Có những hình thức giám sát, PBXH không cần kinh phí nhưng ngược lại có những hoạt động bắt buộc phải bố trí kinh phí mới thực hiện được (nghiên cứu thực địa, phỏng vấn đối tượng bị tác động bởi chính sách, bị xâm hại quyền lợi, hội thảo chuyên gia...).

Kết luận chương 1

Như vậy, từ những phân tích ở trên có thể khẳng định Hội LHPN Việt Nam là tổ chức chính trị - xã hội, thực hiện hoạt động giám sát, PBXH. Vai trò giám sát, PBXH của Hội LHPN Việt Nam được ghi nhận và xác định trong các văn bản của Đảng, Hiến pháp và pháp luật. Để thực hiện tốt chức năng đại diện của mình, Hội xác định rõ nội dung, phạm vi, hình thức, quy trình giám sát và phản biện để quan tâm triển khai thực hiện. Giám sát và PBXH là cách thức để Hội LHPN Việt Nam thực hiện tốt hơn chức năng đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, là cách thức để Hội LHPN Việt Nam đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao vai trò, vị trí của mình trong xã hội.

Giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam cũng là đòi hỏi tất yếu khách quan của đời sống nhằm phát huy dân chủ XHCN và quyền làm chủ của nhân dân, ý thức trách nhiệm của nhân dân trong việc tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM

2.1. Thực trạng hoạt động giám sát của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

2.1.1. Tổ chức Đoàn giám sát

Giai đoạn 2012- 2013, khi chưa có *Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội*, Hội LHPN Việt Nam (chủ yếu mới thực hiện ở cấp Trung ương và cấp tỉnh) đã chủ động xây dựng Kế hoạch giám sát và tổ chức các đoàn giám sát hàng năm. Ở Trung ương, đã tổ chức các đoàn giám sát việc thực hiện Nghị quyết 30^a ở vùng dân tộc thiểu số; giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020. Ở địa phương, tổng hợp báo cáo của 38 tỉnh/thành phố cho thấy các cấp Hội tổ chức đoàn giám sát với 25 chính sách.

Giai đoạn 2014- 2016, sau khi Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 217 - QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “*Quy chế giám sát và PBXH của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*”, Quyết định số 218 - QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “*Quy định góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*”, Đảng đoàn Trung ương Hội LHPN Việt Nam đã phân công Đoàn Chủ tịch tổ chức Hội nghị trực tuyến toàn quốc quán triệt việc triển khai thực hiện Quyết định số 217- QĐ/TW, Quyết định số 218- QĐ/TW; đã ban hành 6 văn bản chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện; tổ chức chỉ đạo điểm triển khai tại 8 tỉnh/thành phố; tổ chức 1.846 lớp tập huấn công tác giám sát và PBXH cho 73.313 lượt cán bộ Hội các cấp. Qua đó, giúp cán bộ Hội nắm được nội dung các Quyết định và hiểu được quy trình, cách thức giám sát, PBXH, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Từ năm 2014-2016, Trung ương Hội LHPN Việt Nam xin ý kiến Ban Bí thư và chỉ đạo các cấp Hội chủ trì giám sát 3 nội dung: 1) giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với cán bộ nữ chuyên trách cấp xã/phường (năm 2014); 2) Giám sát việc thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ - CP của Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc đảm bảo cho các cấp Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước (năm 2015); 3) Giám sát chuyên đề việc thực hiện khoản 1, khoản 3 Điều 8, khoản 1, khoản 2 Điều 9 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (năm 2016). Ngoài giám sát chính sách chung theo chỉ đạo của Trung ương Hội, các tỉnh, thành Hội lựa chọn và tổ chức giám sát các nội dung khác phù hợp với tình hình của từng địa phương.

Việc chủ trì tổ chức các đoàn giám sát đối với một số chính sách của Hội LHPN Việt Nam đạt được những kết quả cụ thể như sau:

Giám sát việc thực hiện Nghị quyết 30^a ở vùng dân tộc thiểu số, Hội đã xây dựng kế hoạch, xây dựng bộ công cụ giám sát, tiến hành giám sát tại địa phương và báo cáo kết quả giám sát với Đảng đoàn, Đoàn Chủ tịch. Qua giám sát cho thấy, các hỗ trợ theo chính sách thuộc Nghị quyết 30a đều được người dân đánh giá cao và khẳng định là một chủ trương đúng, phù hợp với thực tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, vẫn còn một số bất cập hạn chế trong việc thực hiện chính sách: chính sách hỗ trợ hộ nghèo chưa có tác dụng tích cực trong việc khuyến khích người nghèo phấn đấu vượt nghèo mà đôi khi có tác dụng làm một bộ phận bà con “phản đầu ngược”, “đấu tranh” để được vào danh sách hộ nghèo, không muốn ra khỏi danh sách xã đặc biệt khó khăn. Những vấn đề sau giám sát phát hiện đã được các đồng chí ủy viên Đảng đoàn phát biểu, kiến nghị tại các cuộc họp các Ban chỉ đạo.

Giám sát việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020 tại 2 xã Đồng Du (huyện Bình Lục), xã

Thanh Thủy (huyện Than Liêm) của tỉnh Hà Nam. Kết quả giám sát cho thấy chủ trương của Đảng về Chương trình xây dựng nông thôn mới đã và đang dần tạo sự thay đổi diện mạo trong bộ mặt nông thôn, đã có sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy, sự vào cuộc của chính quyền các cấp, đã tạo được sự đồng thuận trong nhân dân, phát huy tốt tính dân chủ, huy động có hiệu quả nguồn lực trong nhân dân, phát huy vai trò *“nhân dân là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới”*, trong đó phụ nữ đóng vai trò tích cực. Tuy nhiên, quá trình thực hiện cũng đặt ra một số vấn đề như: các tiêu chí về tỉ lệ hộ nghèo, tiêu chí về cơ cấu lao động, tỉ lệ lao động qua đào tạo, tiêu chí về môi trường khó khả thi. Việc lồng ghép giới trong xây dựng quy hoạch, đề án rất ít được chú ý đến. Các chỉ tiêu, các biện pháp đề ra trong quy hoạch, đề án hầu hết đều không được phân tách giới, các tiêu chí về gia đình và chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn chưa được quan tâm, phần lớn mới tập trung vào các tiêu chí xây dựng cơ sở hạ tầng.

Giám sát Nghị định số 56/2012/NĐ - CP, Trung ương Hội chủ trì thành lập đoàn giám sát (mời đại diện lãnh đạo cấp vụ của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Dân Vận Trung ương, Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ, MTTQ Việt Nam) trực tiếp làm việc tại Bộ Tư pháp, Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch và 3 tỉnh Bắc Giang, Bình Định, Long An. Tại cấp tỉnh/ thành phố, 51/63 tỉnh/ thành Hội (80,95%) giám sát tình hình thực hiện Nghị định 56 qua hình thức thành lập đoàn giám sát hoặc giám sát thông qua nghiên cứu báo cáo, tài liệu của địa phương. Qua giám sát cho thấy các bộ, ngành và các cấp chính quyền đã triển khai thực hiện nghiêm túc, nhiều nội dung quy định trách nhiệm đã thực hiện đầy đủ, có những chính sách, quy định riêng đảm bảo lồng ghép giới, phát huy vai trò của phụ nữ; các chương trình phối hợp giữa Hội và các ngành hiệu quả; việc bố trí kinh phí, cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ hoạt động Hội cơ bản đáp ứng hoạt động Hội. Tuy nhiên, *“nhận thức trách nhiệm của cơ quan Nhà nước chưa đầy đủ, coi thực hiện Nghị định*

56/2012/NĐ- CP thuộc trách nhiệm của tổ chức Hội; nặng về phát huy mà ít chú ý đến các điều kiện đảm bảo để Hội tham gia quản lý nhà nước”[22,tr.62]. Sau giám sát, Trung ương Hội và Hội LHPN các tỉnh/thành Hội đã kiến nghị các Bộ/ngành, UBND các cấp tiếp tục quán triệt triển khai thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ- CP và các Chương trình phối hợp công tác với Hội LHPN cùng cấp; bảo đảm sự tham gia của Hội LHPN Việt Nam trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trong quản lý nhà nước về lĩnh vực gia đình; thực hiện nghiêm túc các quy định về tiếp thu ý kiến góp ý và phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam theo quy định pháp luật; Đề nghị UBND tỉnh/thành phố chỉ đạo Sở Nội vụ và các các sở/ngành tăng cường phối hợp với Hội LHPN tỉnh nhằm thực hiện có hiệu quả Quy chế phối hợp; nghiêm túc thực hiện cơ chế làm việc định kỳ với Hội LHPN cùng cấp; có cơ chế để Hội phụ nữ các cấp tham gia quản lý nhà nước bằng các kế hoạch, nội dung hoạt động cụ thể; tạo điều kiện để Hội LHPN làm tốt nhiệm vụ giám sát, PBXH, tham mưu đề xuất chính sách.

Giám sát chuyên đề việc thực hiện khoản 1, khoản 3 Điều 8, khoản 1, khoản 2 Điều 9 Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân: Trung ương Hội LHPN Việt Nam đã tổ chức 3 Đoàn giám sát tại 6 tỉnh/thành phố An Giang, Tây Ninh, Cà Mau, Quảng Ninh, Lai Châu, Gia Lai. Thành viên Đoàn giám sát, gồm: đại diện lãnh đạo cấp vụ của Ban Dân vận Trung ương, Bộ Nội vụ, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam. Đoàn giám sát trực tiếp làm việc với Thường trực HĐND, UBND, đại diện Ban Thường trực MTTQ tỉnh, các sở/ngành liên quan và làm việc với 01 đơn vị cấp xã. Hội LHPN các tỉnh/thành phố thành lập đoàn giám sát do Thường trực Hội LHPN cấp tỉnh/thành phố chủ trì; mời đại diện Ủy ban MTTQ cùng cấp và các sở, ngành, tổ chức liên quan tham gia đoàn giám sát. Qua giám sát, phát hiện tỷ lệ phụ nữ được giới thiệu ứng cử HĐND ở một số tỉnh, huyện, xã không đảm bảo tối thiểu 35%, Hội LHPN các cấp đã chủ động có văn bản

kiến nghị điều chỉnh phân bổ cơ cấu nữ gửi Thường trực HĐND, Ban Thường trực UB MTTQ và Ủy ban bầu cử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật. Cùng với việc tuyên truyền, vận động, hỗ trợ ứng cử viên nữ, việc giám sát chuyên đề đã góp phần tăng tỷ lệ nữ đại biểu dân cử so với nhiệm kỳ trước: nữ đại biểu Quốc hội khóa XIV là 133 người đạt 26,80% cao hơn so với khóa XIII (24,4%); nữ đại biểu HĐND cấp tỉnh đạt 26,46% (tăng 1,29% so với nhiệm kỳ 2011-2016); nữ đại biểu HĐND cấp huyện đạt 27,51% (tăng 2,98% so với nhiệm kỳ 2011- 2016); Nữ đại biểu HĐND cấp xã đạt 26,70% (tăng 4,99% so với nhiệm kỳ 2011-2016)[3].

2.1.2. Giám sát thông qua cử đại diện tham gia các đoàn giám sát

Hàng năm, thực hiện Chương trình phối hợp hoặc trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, các cấp Hội đều cử đại diện tham gia các đoàn giám sát đối với những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi của phụ nữ.

Trung ương Hội LHPN Việt Nam cử đại diện tham gia một số đoàn giám sát do các Ủy ban của Quốc hội, các bộ/ngành tổ chức như: giám sát việc thực hiện pháp luật về bình đẳng giới của Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội; giám sát về thực hiện dân chủ ở cơ sở với vai trò là thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương về thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; giám sát Luật Phòng, chống bạo lực gia đình do Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch tổ chức; giám sát thực hiện Luật hòa giải cơ sở, Luật phổ biến, giáo dục pháp luật do Bộ Tư pháp chủ trì. Tham gia các đoàn giám sát do Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam tổ chức như: giám sát việc chấp hành pháp luật trong công tác tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại tỉnh Phú Thọ; giám sát thực hiện Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp tại 5 tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng; giám sát việc thực hiện hỗ trợ khẩn cấp của nhà nước đối với người dân các tỉnh Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế do ảnh hưởng hiện tượng thủy hải sản chết hàng loạt; giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm.

Ở địa phương, Hội LHPN các cấp cử đại diện tham gia các đoàn giám sát của Đoàn đại biểu Quốc Hội tỉnh, HĐND, sở/ngành, Ủy Ban MTTQ Việt Nam cùng cấp chủ trì tổ chức, đã tham gia giám sát 82 chính sách, pháp luật liên quan đến bình đẳng giới, phụ nữ, gia đình và trẻ em gồm 12 Luật và 70 chính sách. Đặc biệt, trong 2 năm (2014- 2015), các cấp Hội tích cực phối hợp với MTTQ Việt Nam giám sát thực hiện chính sách đối với Mẹ Việt Nam anh hùng và liệt sỹ, gia đình liệt sỹ. Kết quả tổng rà soát chính sách ưu đãi đối với mẹ Việt Nam anh hùng, liệt sỹ và thân nhân liệt sỹ, có 4.521 bà Mẹ Việt Nam Anh hùng còn sống và 993.725 liệt sỹ và thân nhân liệt sỹ trên địa bàn cả nước, trong đó có 75.061 trường hợp hưởng chưa đầy đủ chính sách. Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN đã chỉ đạo Hội LHPN các tỉnh/thành kiến nghị với các cơ quan chức năng và giám sát việc giải quyết các trường hợp tồn đọng sau rà soát đảm bảo quyền lợi cho các gia đình chính sách.

2.1.3. Giám sát thông qua việc tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của hội viên, phụ nữ

Các cấp Hội LHPN Việt Nam nắm tình hình phản ánh, kiến nghị của phụ nữ liên quan đến việc thực hiện chính sách, pháp luật bằng nhiều hình thức: thông qua các đợt đi cơ sở triển khai nhiệm vụ chuyên môn; thông qua kiểm tra định kỳ hàng năm về công tác Hội đối với các tỉnh/thành; thông qua sinh hoạt hội viên 4 kỳ/năm; thông qua đối thoại chính sách giữa hội viên phụ nữ với cấp ủy, chính quyền và các cơ quan chức năng; qua trang thông tin điện tử của Hội, Báo phụ nữ và các phương tiện thông tin đại chúng. Tổng hợp những ý kiến phản ánh, kiến nghị của phụ nữ, Hội đã thu thập được những thông tin tình hình về bất cập trong chính sách cũng như thiếu sót, sai phạm trong thực thi làm cho chính sách pháp luật chưa được thực thi hoặc thực thi chưa đầy đủ như: chính sách hỗ trợ địa chỉ tin cậy ở cộng đồng, hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình, chính sách bảo hiểm xã hội cho cán bộ chuyên trách Hội LHPN cơ sở, chính sách hỗ trợ phụ nữ và trẻ em gái học xóa mù chữ, chính sách hỗ,

chính sách hỗ trợ thai sản cho phụ nữ nghèo, nhà trẻ, mẫu giáo... Trên cơ sở các thông tin phản ánh của hội viên phụ nữ, Hội LHPN ở địa phương đã xem xét, xác minh và kiến nghị với các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết thông qua các cuộc họp, cuộc làm việc hoặc bằng văn bản kiến nghị. Đối với các kiến nghị, phản ánh khác của cử tri nữ, Hội LHPN các cấp tổng hợp thành văn bản gửi Ủy ban MTTQ cùng cấp và Hội LHPN cấp trên để tổng hợp và gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước các kỳ họp hàng năm (qua Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam).

Diễn cứu hoạt động giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội đối với cán bộ nữ chuyên trách cấp xã/phường thấy rõ cách thức và hiệu quả thực hiện giám sát qua tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cán bộ, hội viên phụ nữ: Hội LHPN Việt Nam không tổ chức đoàn giám sát tại các địa phương mà thực hiện giám sát thông qua rà soát chủ trương, nghị quyết, chính sách pháp luật có liên quan đến bảo hiểm xã hội đối với lao động nữ; thu thập số liệu của 53 tỉnh/thành phố; báo cáo của Hội LHPN cấp xã để thu thập thông tin về tình hình thực tế nghỉ hưu của cán bộ Hội cấp cơ sở. Kết quả giám sát cho thấy với quy định về tuổi nghỉ hưu 55 tuổi và thời gian đóng bảo hiểm 20 năm nếu tính thời gian giữ chức vụ liên tục hoặc được chuyển sang ngạch công chức khác làm đến đủ 55 tuổi thì khoảng 30% Chủ tịch Hội LHPN cấp cơ sở không đủ điều kiện để được hưởng lương hưu do không đủ năm đóng bảo hiểm xã hội và không có đủ điều kiện đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện. Trên cơ sở tổng hợp thông tin, số liệu, Trung ương Hội đã có văn bản kiến nghị điều chỉnh số năm đóng bảo hiểm xã hội của cán bộ chuyên trách cấp cơ sở. Đây cũng là cơ sở quan trọng để Hội LHPN Việt Nam thực hiện PBXH thành công đối với quy định điều kiện hưởng lương hưu đối với lao động nữ chuyên trách cấp xã trong Dự thảo Luật bảo hiểm xã hội sửa đổi.

2.1.4. Giám sát qua đơn, thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của của hội viên, phụ nữ gửi Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp

Thực hiện trách nhiệm được quy định tại Luật Tiếp công dân, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam đã ban hành *Quy định và hướng dẫn công tác tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Hội LHPN Việt Nam* (kèm theo Quyết định số 523 /QĐ - ĐCT ngày 09 /11/2015 của Đoàn Chủ tịch) - đây là cơ sở để Hội LHPN các cấp thực hiện tiếp dân, tiếp nhận và giải quyết đơn thư.

Theo báo cáo từ năm 2012-2015, các cấp Hội đã tiếp nhận 52.465 đơn thư, chuyển đơn và kiến nghị với cơ quan chức năng giải quyết 19.235 đơn (36,66% so với số đơn nhận được), đã được cơ quan chức năng phúc đáp 9.993 đơn (51,95% so với đơn chuyển). Cán bộ Trung ương Hội đã trực tiếp tham gia một số phiên tòa xét xử đối với các đương sự là phụ nữ trong việc tranh chấp quyền nuôi con để có kiến nghị xác đáng bảo vệ quyền lợi hợp pháp của phụ nữ và trẻ em. Qua tiếp dân, tiếp nhận và giải quyết đơn, các cấp Hội phát hiện và kiến nghị bằng văn bản với các cơ quan chức năng xem xét việc áp dụng pháp luật trong thực tế còn chưa chính xác, thỏa đáng, khả thi như: áp dụng các quy định về căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của phụ nữ, áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời giao con dưới 36 tháng tuổi cho mẹ khi xét xử ly hôn, cưỡng chế thi hành án dân sự về giao con theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; xem xét vấn đề bạo lực gia đình đối với phụ nữ trong các vụ án ly hôn; thu thập, đánh giá chứng cứ trong các vụ xâm hại tình dục đối với phụ nữ và trẻ em gái; tính công sức đóng góp của phụ nữ vào khối tài sản chung vợ chồng khi phân chia tài sản ly hôn.

Tóm lại, để giám sát hiệu quả đối với một vấn đề thì các cấp Hội LHPN Việt Nam đã sử dụng kết hợp nhiều hình thức giám sát, có nội dung chỉ đạo và tổ chức giám sát theo hệ thống (các cấp Hội thực hiện giám sát chung), có những nội dung do các cấp Hội LHPN các địa phương lựa chọn thực hiện.

Trong 5 năm, Hội LHPN cấp tỉnh đã tổ chức giám sát 86 chính sách, Hội LHPN cấp huyện, cấp xã tổ chức giám sát 1098 chính sách. Sau giám sát, các cấp Hội đã có kiến nghị gửi tới các cơ quan chức năng (từ năm 2014- 2016 có 69 kiến nghị), trong đó nhiều kiến nghị đã được các cơ quan Đảng, chính quyền tiếp thu, khắc phục (*xem phụ lục 01*).

2.2. Thực trạng hoạt động phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

2.2.1. Tổ chức hội nghị phản biện

Căn cứ vào Chương trình xây dựng Luật, pháp lệnh hàng năm của Quốc hội, căn cứ vào chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản của các Bộ, ngành Trung ương Hội đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các hội nghị phản biện với sự tham gia của đại diện Hội LHPN các cấp, chuyên gia về giới, Luật, luật sư, luật gia, nữ đại biểu quốc hội, nữ đại biểu HĐND và đặc biệt có đại diện các Bộ/ngành có văn bản dự thảo, thành viên ban soạn thảo, tổ biên tập.

Phần lớn các hội nghị góp ý, phản biện của Hội đều tập trung chủ đề lồng ghép bình đẳng giới, những vấn đề liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái, tổ chức Hội trong các dự thảo văn bản như: Tọa đàm về “*Đối tượng đề xuất điều chỉnh tuổi nghỉ hưu theo quy định tại Khoản 3 Điều 187 Bộ luật Lao động*”; Hội thảo chuyên gia “*Góp ý Dự thảo Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi) về những vấn đề liên quan đến mang thai hộ và gia đình*”; Hội thảo “*Lồng ghép giới và phòng chống mua bán người trong Bộ luật Hình sự (sửa đổi) và Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi)*”; Hội thảo lồng ghép giới trong dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi), Luật tổ chức Quốc hội (sửa đổi), Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi); Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân.

Theo thống kê, Trung ương Hội đã tổ chức 15 hội thảo phản biện đối với 7 dự thảo Luật, Nghị định. Các cuộc Hội thảo phản biện giúp cho Hội

LHPN Việt Nam trực tiếp trình bày các quan điểm, bằng chứng, mong muốn của Hội giúp cho các cơ quan chức năng hiểu đầy đủ, toàn diện hơn, có cơ sở hơn để quyết định tiếp thu hay không tiếp thu kiến nghị, đề xuất của Hội. Tại một số cuộc Hội thảo, đại diện cơ quan có văn bản dự thảo phản biện hoặc các cơ quan có thẩm quyền thẩm định văn bản đã bày tỏ quan điểm đồng tình với những kiến nghị, đề xuất của Hội, trong số đó đã có những kiến nghị đã được hiện thực hóa, ghi nhận trong Luật như: quyền nhân thân trong hôn nhân gia đình (trong Bộ luật Dân sự năm 2015); quy định tỷ lệ nữ ứng cử viên đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp đạt ít nhất 35% trong tổng số người trong danh sách chính thức (trong Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015); biện pháp cấm tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình là một trong biện pháp khẩn cấp tạm thời trong quá trình tòa án thụ lý xét xử vụ án dân sự (Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015).

2.2.2. Tổng hợp và gửi ý kiến của phụ nữ tới các cơ quan có thẩm quyền

Theo số liệu thống kê từ năm 2012 - 6/2016, các cấp Hội đã tham gia góp ý bằng văn bản 150 dự thảo văn bản, trong đó 133 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và 17 văn bản khác (*xem phụ lục 02*). Hội LHPN các địa phương đã tham gia ý kiến vào gần 2000 dự thảo văn bản của HĐND, UBND cùng cấp, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình dự án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên phụ nữ và tổ chức Hội.

Để có cơ sở lý luận và thực tiễn, Hội LHPN Việt Nam đã tổ chức lấy ý kiến cán bộ, hội viên và các tầng lớp phụ nữ vào dự thảo các văn bản. Đối với Dự thảo sửa đổi Hiến pháp 1992; Luật đất đai (sửa đổi); Luật Hôn nhân gia đình (sửa đổi); Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); Bộ luật Dân sự (sửa đổi); Bộ luật Hình sự (sửa đổi), ngoài những vấn đề cơ quan chủ trì soạn thảo xin ý kiến, Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam chủ động nghiên cứu và lựa

chọn những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng của phụ nữ và bình đẳng giới để hướng dẫn các cấp Hội tổ chức thảo luận, tham vấn ý kiến của các tầng lớp phụ nữ, ý kiến của các chuyên gia nhằm thu thập thông tin củng cố cơ sở lý luận và thực tiễn thuyết phục để thực hiện phản biện xã hội.

Kết quả, các cấp Hội đã tổ chức 120.137 cuộc lấy ý kiến với 10.181.799 lượt cán bộ, hội viên, phụ nữ tham gia góp ý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992[26]; 6.958 cuộc thảo tham vấn ý kiến góp ý dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi) với tổng số 3.524.363 người tham gia [24]; 26.087 cuộc và 372.412 cán bộ, hội viên, phụ nữ tham gia ý kiến vào dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi)[27]; 11 hội thảo cấp tỉnh, 14 tọa đàm với người dân nam, nữ và 1.050 phiếu trưng cầu ý kiến góp ý vào Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi)[28]. Trên cơ sở tổng hợp ý kiến góp ý, Trung ương Hội xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các tầng lớp phụ nữ và có Công văn góp ý gửi tới các cơ quan có thẩm quyền (gửi Ủy ban Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992, Bộ Lao động- Thương binh và xã hội, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và môi trường; Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội).

Qua theo dõi, thống kê cho thấy nhiều ý kiến góp ý của Hội đã được tiếp thu sửa đổi và ghi nhận như: *Hiến pháp năm 2013* đã tiếp thu và quy định 4 nội dung: 1) “Nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới” (khoản 3 Điều 26 Hiến pháp 2013); 2) “Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới”(khoản 2 Điều 26 Hiến pháp 2013); 3) “Người làm công ăn lương được đảm bảo điều kiện làm việc công bằng” (khoản 2 Điều 35 Hiến pháp 2013); 4) Quy định về ghi rõ tên của các đoàn thể chính trị- xã hội (tại khoản 2 Điều 9 Hiến pháp 2013). *Luật Hôn nhân và gia đình năm 2013* tiếp thu 6 nội dung: Phong tục tập quán về hôn nhân và gia đình, tuổi kết hôn, quan hệ chung sống như vợ chồng không đăng ký kết hôn, chế độ tài sản trong hôn nhân theo thỏa thuận (tài sản ước định), ly thân, mang thai hộ [50, tr.6]. *Bộ luật Dân sự 2015*

tiếp thu: quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình; *Luật Bảo hiểm xã hội* 2014 tiếp thu và quy định tại Điều 54 về điều kiện hưởng lương hưu của lao động nữ chuyên trách và không chuyên trách cấp xã theo hướng: đủ 55 tuổi, đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội.

2.2.3. Đối thoại trực tiếp với cơ quan, tổ chức có văn bản dự thảo

Thời gian qua, Trung ương Hội LHPN Việt Nam đã đề nghị và phối hợp tổ chức một số cuộc đối thoại như: Làm việc với Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ về việc sửa đổi Nghị định số 19/2003/NĐ - CP ngày 7/3/2003 của Chính phủ *Quy định trách nhiệm của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước* (kết quả Chính phủ đã ban hành Nghị định số 56/2012/NĐ-CP thay thế Nghị định số 19/2003/NĐ- CP); Làm việc với Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, với Bộ Y tế xúc tiến việc ban hành chính sách hỗ trợ thai sản cho phụ nữ nghèo sinh con đúng chính sách dân số theo khoản 3 Điều 17 Luật Bình đẳng giới năm 2006 (kết quả: Bộ Y tế chủ trì trình Chính phủ ban hành Nghị định số 39/2015/NĐ-CP ngày 27/04/2015 quy định chính sách hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số); Làm việc với Bộ nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ về xây dựng Quy chế phối hợp công tác giữa Trung ương Hội LHPN Việt Nam với Chính phủ theo quy định của Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ (đến nay, đã xin ý kiến các Bộ/ngành).

Đặc biệt đối với việc góp ý và phản biện Điều 54 Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Hội LHPN Việt Nam đã có văn bản góp ý, phát biểu tại các diễn đàn của Quốc hội, các cuộc họp Ban soạn thảo, tổ biên tập song chưa được tiếp thu. Trước kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII, Chủ tịch Hội LHPN Việt Nam đã có cuộc làm việc trực tiếp với lãnh đạo Thường trực Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội, Bộ trưởng Bộ lao động- Thương binh và Xã hội trình bày về sự cần thiết, cấp thiết phải sửa Điều 54 Dự thảo Luật Bảo hiểm

xã hội (sửa đổi) về điều kiện hưởng lương hưu của cán bộ nữ cấp xã, phường, thị trấn. Kết quả cuộc làm việc đó có ý nghĩa quyết định tác động tới các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIII, Quốc hội đã biểu quyết thông qua dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội sửa đổi, trong đó tiếp thu đề xuất của Hội LHPN Việt Nam và quy định trong Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội “*Lao động nữ là người hoạt động chuyên trách và không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn tham gia bảo hiểm xã hội khi nghỉ việc mà có 15 năm đến 20 năm đóng bảo hiểm xã hội và đủ 55 tuổi thì được hưởng lương hưu*” [23, tr.52].

2.2.4. Phản biện xã hội thông qua cử đại diện tham gia trực tiếp vào các Ban soạn thảo, Tổ Biên tập và tham gia các hội thảo góp ý do các cơ quan, tổ chức khác tổ chức

Hội đã và đang cử đại diện lãnh đạo Hội, lãnh đạo cấp vụ, chuyên viên các ban của Trung ương Hội LHPN Việt Nam (30 cán bộ) tham gia trực tiếp vào Ban soạn thảo, Tổ biên tập xây dựng 81 văn bản quy phạm pháp luật (xem phụ lục 03). Trong đó điển hình Luật Hôn nhân và Gia đình (sửa đổi), Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Bộ luật Dân sự (sửa đổi), Luật Hộ tịch, Luật MTTQ Việt Nam (sửa đổi), Luật Trưng cầu ý dân; các Nghị định hướng dẫn thực hiện Bộ luật Lao động năm 2012; các Nghị quyết liên tịch hướng dẫn thực hiện Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân; Thông tư hướng dẫn lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Thông qua các phiên họp của Ban soạn thảo, tổ biên tập, nhiều ý kiến đóng góp của đại diện Hội LHPN Việt Nam đã được nghiêm túc tiếp thu bổ sung, hoàn thiện trước khi ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh đó, theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, Hội cử đại diện tham dự và phát biểu tham luận tại các Hội thảo, tọa đàm góp ý vào các dự thảo Luật như: Luật Hôn nhân và gia đình (sửa đổi), Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Bộ luật Hình sự (sửa đổi), Bộ luật Dân sự

(sửa đổi). Nhiều ý kiến phát biểu của đại diện Hội trong các diễn đàn, hội thảo đã được cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan thẩm định tiếp thu.

2.3. Đánh giá chung về hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

2.3.1. Kết quả và nguyên nhân

Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam trong những năm qua từng bước được triển khai trong các cấp Hội. Đây là nhiệm vụ rất quan trọng nhưng cũng rất khó khăn, đòi hỏi phải am hiểu quy định pháp luật, kiến thức trong nhiều lĩnh vực, bản lĩnh và quyết tâm chính trị cao và vừa phải có phương pháp thực hiện sáng tạo, linh hoạt. Với những nỗ lực và cố gắng, hoạt động giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam đạt được những kết quả nhất định như sau:

Một là, đã khuyến khích và phát huy được quyền làm chủ và trí tuệ của các tầng lớp phụ nữ trong việc tham gia quản lý nhà nước. Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân, trong xu hướng hoạt động của Chính phủ sẽ chuyển mạnh sang Chính phủ kiến tạo và phục vụ, lấy sự hài lòng của người dân là thước đo hiệu quả hoạt động của Chính phủ, chính quyền các cấp thì hoạt động giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam tạo điều kiện, cơ hội cho người dân thực hành quyền dân chủ tham gia tích cực hơn vào công việc của nhà nước.

Hai là, góp phần xây dựng và từng bước hoàn thiện chính sách, pháp luật về bình đẳng giới. Từ kết quả giám sát, PBXH, Hội LHPN Việt Nam giúp cho các cơ quan nhà nước nhận thấy những bất cập, khoảng trống của chính sách luật pháp xem xét, sửa đổi, bổ sung ban hành mới chính sách góp phần từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về bình đẳng giới.

Ba là, góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Hoạt động phản biện của Hội LHPN Việt Nam giúp cho các chủ

trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, của địa phương phù hợp với thực tiễn, có tính khả thi cao. Hoạt động giám sát giúp cho cơ quan nhà nước, cán bộ thực thi công vụ, đại biểu dân cử có ý thức chấp hành pháp luật, làm đúng, làm đủ, nhận ra những thiếu sót và tự chỉnh đốn, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm, hạn chế bớt quan liêu xa dân của các cơ quan, tổ chức Đảng, nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước, xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Bốn là, qua hoạt động giám sát và PBXH, Hội LHPN Việt Nam đã thực hiện tốt hơn chức năng đại diện của mình và ngày càng khẳng định được vị thế, vai trò của mình trong hệ thống chính trị và trong đời sống xã hội. Bước đầu các cấp Hội đã chọn được những nội dung giám sát thiết thực, phù hợp với nguyện vọng, nhu cầu của hội viên, phụ nữ.

Để đạt được những kết quả trên xuất phát từ một số nguyên nhân cơ bản sau:

Thứ nhất, có sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thống nhất của cấp ủy, chính quyền các cấp. Việc ban hành Quyết định số 217- QĐ/TW của Bộ Chính trị là cơ sở hết sức quan trọng để các cấp ủy đảng, chính quyền triển khai triển khai thống nhất, đồng bộ, tạo điều kiện để MTTQ Việt Nam cũng như các đoàn thể chính trị- xã hội thực hiện giám sát và PBXH.

Thứ hai, hệ thống pháp luật của Việt Nam ngày càng hoàn thiện ghi nhận quyền và trách nhiệm giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức tạo điều kiện cho Hội thực hiện nhiệm vụ này. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng để các cấp Hội lựa chọn nội dung giám sát và PBXH báo cáo với cấp ủy và thuyết phục đối tượng giám sát.

Thứ ba, các cấp Hội chủ động trong việc tổ chức quán triệt, học tập và tuyên truyền, phổ biến Quyết định số 217-QĐ/TW giúp cán bộ Hội nắm được nội dung các Quyết định và hiểu được quy trình, cách thức giám sát, PBXH, từ

đó chủ động lựa chọn nội dung, xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát thiết thực, khả thi.

2.3.2. Hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân

Một là, hoạt động giám sát và phản biện của Hội LHPN Việt Nam ở một số nơi còn lúng túng, mang tính hình thức. Sự lúng túng của các cấp Hội thể hiện từ khâu lựa chọn nội dung giám sát phản biện đến việc xây dựng và triển khai kế hoạch giám sát và phản biện nhất là đối với hình thức tổ chức đoàn giám sát. Các cấp Hội chưa thực hiện đầy đủ các khâu trong quy trình giám sát: báo cáo kết quả sau giám sát chậm gửi đến đối tượng giám sát, chưa có nhiều phát hiện sau giám sát, nhiều kiến nghị còn chung chung; hoạt động giám sát và PBXH chủ yếu mới dừng ở phát hiện, nêu ý kiến, kiến nghị mà chưa theo dõi thường xuyên kết quả thực hiện kiến nghị của các cơ quan, tổ chức, cá nhân; phần lớn chưa thực hiện tổ chức đối thoại giữa chủ thể giám sát với đối tượng giám sát để làm rõ nội dung kiến nghị. Kết quả giám sát một số hoạt động còn chưa thực sự hiệu quả.

Hai là, hiệu lực và hiệu quả của hoạt động giám sát và phản biện của Hội LHPN Việt Nam còn thấp, chưa đạt yêu cầu và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các tầng lớp phụ nữ. Hoạt động PBXH chủ yếu là bằng hình thức góp ý, thiếu sự đối thoại phản biện cần thiết với cơ quan chủ trì soạn thảo, thẩm định, thẩm tra; chưa tổ chức được nhiều cuộc tham vấn các chuyên gia, các nhà khoa học. Việc nghiên cứu chuẩn bị cơ sở lý luận và thực tiễn của Hội để tham gia xây dựng chính sách, pháp luật về bình đẳng giới chưa chủ động, kịp thời, thiếu tính dự báo nên các ý kiến phản biện chưa mang tính chất thuyết phục cao, chưa được các cơ quan chức năng coi trọng tiếp thu, giải trình thỏa đáng.

Ba là, hoạt động giám sát, PBXH của Hội LHPN Việt Nam còn chưa tập trung chọn những vấn đề kinh tế- xã hội bức xúc của xã hội, của phụ nữ.

Một trong những nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra và là vấn đề bức xúc trong xã hội hiện nay là *“tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng”* [11, tr.174]. Mặc dù Đảng và nhà nước đã thể hiện quyết tâm chính trị trong công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí song Hội LHPN Việt Nam chưa quan tâm thực hiện trách nhiệm giám sát có hiệu quả theo quy định tại Điều 85 Luật phòng chống tham nhũng *“kiến nghị các biện pháp nhằm phát hiện và phòng ngừa tham nhũng; giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng....có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp phòng ngừa tham nhũng, xác minh vụ việc tham nhũng, xử lý người có hành vi tham nhũng”*[40]. Tương tự đối với các vấn đề bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, vấn đề an toàn thực phẩm, pháp luật đã quy định Hội LHPN Việt Nam có quyền giám sát và PBXH song hoạt động của các cấp Hội đang tập trung ở tuyên truyền vận động bề nổi, chưa chú trọng quan tâm và chủ động thực hiện giám sát PBXH về những vấn đề này. Hoạt động giám sát thực hiện các chính sách, pháp luật chưa tập trung nhiều đến các chính sách an sinh xã hội (chính sách thai sản, an toàn vệ sinh lao động) cho lao động nữ ở khu vực nông thôn, mới chỉ dừng lại ở nhóm đối tượng diện bảo trợ xã hội hoặc có quan hệ lao động.

Bốn là, sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức triển khai kế hoạch giám sát một số nội dung, ở một số nơi còn chưa chặt chẽ. Hội chưa chủ động chọn cơ quan, tổ chức phù hợp với nội dung, đối tượng giám sát PBXH để từ đó xây dựng và ký kết các chương trình giám sát PBXH.

Những hạn chế của hoạt động giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam trên đây xuất phát từ một số nguyên nhân cơ bản sau:

Một là, nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền ở một số địa phương về vai trò giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam còn chưa đầy đủ nên chưa tạo điều kiện để Hội LHPN cùng cấp tham mưu và thực hiện nhiệm vụ.

Hai là, thiếu những quy định pháp luật cụ thể và đồng bộ đảm bảo cho Hội LHPN Việt Nam thực hiện giám sát, PBXH thực chất và hiệu quả.

Mặc dù vai trò giám sát và PBXH của Hội đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, Luật Bình đẳng giới và Quyết định số 217-QĐ/TW của Bộ Chính trị và nhiều văn bản khác của Đảng, nhà nước nhưng những quy định này còn chưa cụ thể hoặc thiếu thống nhất, đồng bộ để triển khai trên thực tế như: quy định về việc cấp ủy cho ý kiến vào dự kiến nội dung giám sát và PBXH hàng năm là trong thời gian bao lâu, bằng hình thức nào; quy định về trách nhiệm tiếp thu, giải trình của đối tượng giám sát, của cơ quan, tổ chức yêu cầu phản biện. Hiện nay, Luật Bình đẳng giới quy định lồng ghép giới trong tất cả các văn bản quy phạm pháp luật nhưng Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật lại quy định chỉ lồng ghép bình đẳng giới trong những văn bản quy phạm pháp luật nếu có vấn đề giới.

Ba là, một số cơ quan, tổ chức yêu cầu PBXH, đối tượng được giám sát chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định.

Phần lớn Hội chưa nhận được việc trả lời kiến nghị giám sát bằng văn bản của các cơ quan được giám sát. Một số cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật chưa tạo điều kiện để Hội LHPN Việt Nam phát huy vai trò trong việc tham gia vào quá trình soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật liên quan tới quyền và lợi ích của phụ nữ, trẻ em gái và vấn đề bình đẳng giới; không gửi những thông tin, tài liệu cần thiết liên quan đến dự thảo văn bản xin ý kiến; thời gian yêu cầu góp ý quá ngắn trong khi phạm vi các vấn đề lấy ý kiến xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật rộng, cần thời gian nghiên cứu chuyên sâu, do vậy, việc đóng góp ý kiến, PBXH khó đảm bảo yêu cầu về thời gian và chất lượng văn bản góp ý.

Bốn là, năng lực của cán bộ Hội LHPN Việt Nam thực hiện nhiệm vụ giám sát và PBXH ở các cấp còn nhiều hạn chế (thiếu hiểu biết pháp luật, kiến thức và kinh nghiệm, kỹ năng giám sát và PBXH, tâm lý còn ngại va

chạm, né tránh), không đồng đều ở các cấp, ở các vùng miền, chưa thực sự đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Bên cạnh đó, Hội còn thiếu cơ chế, chính sách để thu hút, tập hợp chuyên gia giỏi giúp Hội thực hiện chức năng giám sát và PBXH, nhất là các chuyên gia về giới, về pháp luật.

Năm là, các điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất của Hội LHPN các cấp phục vụ cho hoạt động giám sát, PBXH còn thiếu. Hiện nay, chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện việc lập dự toán, quyết toán cho hoạt động giám sát, phản biện. Phần lớn các cấp Hội địa phương chưa được cấp kinh phí hoạt động cho nhiệm vụ giám sát và phản biện nên việc triển khai gặp nhiều khó khăn.

Kết luận chương 2

Hoạt động giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam được triển khai thực hiện ở cả 4 cấp. Trong quá trình thực hiện, Hội đã chọn được những nội dung giám sát và PBXH thiết thực, phù hợp với nguyện vọng, nhu cầu của hội viên, phụ nữ; thực hiện bằng nhiều hình thức trong đó quan tâm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân và trú trọng phát huy trí tuệ các tầng lớp phụ nữ thực hiện giám sát và phản biện tạo nên sức mạnh của cả hệ thống. Qua thực tiễn hoạt động giám sát, PBXH, đội ngũ cán bộ Hội các cấp đã được nâng cao nhận thức, rèn luyện kỹ năng và tôi luyện bản lĩnh chính trị. Những kiến nghị sau giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam được các cấp có thẩm quyền ghi nhận và ban hành thành chính sách đã góp phần bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp chính đáng của phụ nữ. Thực hiện nhiệm vụ này, Hội LHPN Việt Nam ngày càng khẳng định vị thế, uy tín của mình trong hệ thống chính trị và đời sống xã hội và ngày càng thu hút, vận động, đoàn kết rộng rãi các đối tượng phụ nữ vào tổ chức Hội.

Mặc dù hoạt động giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả song vẫn còn những hạn chế, khó khăn cần có giải pháp khắc phục để đạt được hiệu quả thực chất.

CHƯƠNG 3

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ GIÁM SÁT, PHẢN BIỆN XÃ HỘI CỦA HỘI LIÊN HIỆP PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

3.1. Quan điểm nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

3.1.1. *Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam*

Hội LHPN Việt Nam do Đảng cộng sản Việt Nam sáng lập, mọi hoạt động của Hội đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội LHPN là tất yếu và quan trọng để Hội hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền trong sạch, vững mạnh. Trong Văn kiện Đại hội lần thứ X của Đảng, Đảng ta đã xác định: “*Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các đoàn thể thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội*”; “*Xây dựng quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện*” [7, tr.124, 135]. Văn kiện Đại hội lần thứ XI của Đảng tiếp tục nêu rõ: “*Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục ...thực hiện dân chủ, giám sát và phản biện xã hội; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh...*” [9, tr.246]. Thể chế hóa Nghị quyết Đại hội X, XI của Đảng về phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội, ngày 12/12/2013, Bộ Chính trị đã ký Quyết định số 217- QĐ/TW ban hành “*Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội*”; Quyết định số 218- QĐ/TW ban hành “*Quy định góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội*”.

Thực tiễn hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam còn nhiều vấn đề đặt ra cần bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo Đảng để có phương hướng và giải pháp phù hợp. Trong văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng, Đảng chỉ rõ phải *“khắc phục những hạn chế, bảo đảm tác dụng, hiệu quả thực chất hoạt động giám sát, PBXH của MTTQ Việt nam và các tổ chức chính trị-xã hội, tạo sự đồng thuận xã hội”* [11, tr.159]. Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng, hoạt động giám sát của Hội LHPN Việt Nam cần phải chú trọng cơ chế phối hợp với các cơ quan quyền lực nhà nước, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị- xã hội và giám sát của nhân dân: *“Tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa giám sát của Quốc hội với kiểm tra, giám sát của Đảng, MTTQ, các tổ chức chính trị- xã hội và giám sát của nhân dân”* [11, tr.177].

Là tổ chức chính trị- xã hội hoạt động theo nguyên tắc liên hiệp, tự nguyện, với chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ mục đích đã được xác định trong Điều lệ Hội song hoạt động của Hội LHPN Việt Nam phải *“trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật”*. Đây là một trong quy định mang tính nguyên tắc đã được ghi nhận trong Hiến pháp 2013. Điều đó có nghĩa là Hội LHPN Việt Nam thực hiện giám sát, phản biện xã hội đối với những vấn đề, lĩnh vực mà pháp luật cho phép.

3.1.2. Đảm bảo phát huy quyền dân chủ của nhân dân, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, phụ nữ, góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh

Với quan niệm “Dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ”, sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh tha thiết mong muốn nhân dân giám sát, kiểm tra Đảng và Nhà nước vì Người cho rằng *“Nếu không có nhân dân giúp thì Đảng không làm được gì hết...Chính phủ ta là chính phủ của nhân dân, chỉ có một mục đích là ra sức phục sự lợi ích của nhân dân. Chính phủ rất mong đồng bào giúp đỡ, đôn đốc, kiểm soát, phê bình để làm tròn nhiệm vụ của mình là người đầy tớ trung thành tận tụy của nhân dân”* [18, tr.567]. Vận dụng tư tưởng Hồ

Chí Minh về vai trò nhân dân trong xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, Đảng ta đề ra phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”, Đảng xác định *“tin dân, tôn trọng, lắng nghe những ý kiến khác; có hình thức, cơ chế, biện pháp cụ thể, thích hợp để nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và thực hiện quyền làm chủ của mình thông qua Mặt trận và các đoàn thể nhân dân”* [11, tr.160]. Hơn nữa, trong bối cảnh Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân do dân, vì dân thì Nhà nước phải chịu sự kiểm tra, giám sát của nhân dân. Nhân dân tự mình thực hiện quyền là chủ, quyền làm chủ giám sát và PBXH hoặc thực hiện thông qua tổ chức đại diện mà mình là thành viên. Bởi vậy, thực hiện hoạt động giám sát, PBXH của Hội LHPN Việt Nam nhất thiết phải phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, khuyến khích động viên tinh thần, trí tuệ, trách nhiệm của nhân dân. Từ đó, sẽ góp phần phát huy dân chủ đại diện, phù hợp với xu thế và nhu cầu phát huy dân chủ XHCN. Điều đó đặt ra yêu cầu cho Hội LHPN phải có giải pháp phù hợp tạo điều kiện, cơ hội để cho nhân dân bày tỏ chính kiến, nguyện vọng và tham gia giám sát, PBXH.

Hội LHPN Việt Nam thực hiện giám sát, PBXH nhằm thực hiện tốt chức năng đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp và chính đáng cho các tầng lớp phụ nữ. Điều đó có nghĩa là khi thực hiện giám sát và PBXH thì phải trên quan điểm lấy lợi ích của phụ nữ là một trong những mục tiêu, tiêu chí để xem xét, đánh giá việc ban hành và thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước. Tuy nhiên, việc đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ phải dựa trên cơ sở giải quyết hài hòa quan hệ lợi ích giữa các thành viên trong xã hội, phải đặt trong lợi ích chung của quốc gia, dân tộc, không được trái với lợi ích của quốc gia, dân tộc. Với tôn chỉ mục đích như vậy sẽ thúc đẩy các tầng lớp phụ nữ tham gia vào tổ chức Hội để đóng góp, tham gia, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước.

3.1.3. Giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phải nhằm nâng cao vị thế vai trò của Hội trong hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị ở nước ta vận hành theo phương thức “*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ*”. Tuy nhiên, trong điều kiện nước ta hiện nay thì các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước ban hành không tránh khỏi chủ quan duy ý chí, xa rời thực tiễn cho nên là một thành tố của hệ thống chính trị, Hội LHPN Việt Nam phải ngày càng lớn mạnh về tổ chức, năng lực và uy tín để gánh vác trách nhiệm mà Đảng và Nhà nước đã giao phó, đó là đại diện cho các tầng lớp phụ nữ thực hiện giám sát và PBXH góp phần hoàn thiện chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước đảm bảo tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả, phản ánh được nhu cầu, nguyện vọng của phụ nữ.

Để làm được điều đó, Hội LHPN Việt Nam phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, phải tiếp tục tăng cường củng cố tổ chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ; phải có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, có năng lực phát hiện vấn đề, phân tích, đánh giá vấn đề và phải có đủ bản lĩnh để thực hiện nhiệm vụ; phải có mạng lưới các chuyên gia giỏi về các lĩnh vực để tham vấn, hỗ trợ Hội thực hiện giám sát phản biện đồng thời phải có cơ chế và sự đãi ngộ thỏa đáng đối với đội ngũ này.

3.1.4. Có sự phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và các cơ quan, tổ chức có liên quan; không làm trở ngại các hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát và phản biện xã hội

Hiến pháp 2013 đã xác định địa vị pháp lý cũng như chức năng, nhiệm vụ của Hội LHPN Việt Nam, với tư cách là một thành viên của MTTQ Việt Nam, Hội LHPN Việt Nam có trách nhiệm “*cùng với các thành viên khác của Mặt trận phối hợp, thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*”[17,tr.11]. Do đó, sự phối hợp trong hoạt động giám sát và PBXH sẽ tạo

nên sức mạnh của Mặt trận và của Hội LHPN Việt Nam cũng như tất cả cách thành viên khác.

Mặc dù *Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội* quy định mỗi tổ chức có đối tượng, phạm vi giám sát và phản biện khác nhau; MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội “độc lập” trong việc xây dựng các kế hoạch giám sát, phản biện hàng năm song phạm vi giám sát, phản biện rất rộng bao trùm tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, mỗi đoàn thể chính trị- xã hội không thể và không nên “độc lập” một cách tuyệt đối mà cần có sự phối hợp để thực hiện một cách đồng bộ, thống nhất đồng thời cũng cần phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan đến nội dung giám sát, phản biện để được tư vấn, hỗ trợ.

Ở góc độ khác, khi Hội LHPN Việt Nam phối hợp với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện hiện giám sát và phản biện sẽ tiết kiệm được thời gian, nguồn lực, đảm bảo cùng không trùng lặp quá nhiều đoàn giám sát một địa phương đơn vị gây áp lực và khó khăn cho cơ quan, tổ chức, cá nhân được giám sát và PBXH.

3.1.5 Giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phải đa dạng về nội dung, hình thức, phù hợp với đặc điểm điều kiện từng địa phương

Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Hội LHPN Việt Nam được thực hiện từ Trung ương đến cơ sở, ở cả 63 tỉnh, thành phố. Mỗi vùng, miền, địa phương có đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội khác nhau và mỗi cấp Hội thì trình độ, năng lực thực hiện nhiệm vụ khác nhau. Để hoạt động giám sát, PBXH đạt kết quả thực chất thì mỗi cấp Hội cần phải phát huy tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong việc lựa chọn nội dung, hình thức giám sát, PBXH phù hợp với nhu cầu nguyện vọng của phụ nữ, phù hợp với điều kiện của địa phương mình. Điều đó có nghĩa là Trung ương Hội sẽ đóng

vai trò hướng dẫn, định hướng nội dung, phương pháp cho các cấp Hội, tôn trọng sự lựa chọn đa dạng của các cấp Hội.

Thực trạng hoạt động giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam đặt ra yêu cầu nội dung giám sát và PBXH của Hội cần phải hướng nhiều hơn đến những vấn đề kinh tế- xã hội bức xúc của xã hội (tham nhũng, bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm, an toàn vệ sinh lao động); những vấn đề xã hội bức xúc liên quan đến phụ nữ và trẻ em gái *“mất cân bằng giới tính khi sinh, bạo lực gia đình đối với phụ nữ, các chính sách an sinh xã hội của phụ nữ nông thôn, phụ nữ di cư lao động tự do, phụ nữ dân tộc thiểu số, khuyết tật, sự chênh lệch về tuổi nghỉ hưu, tội phạm liên quan đến phụ nữ và trẻ em”*[30, tr.2], quan tâm giám sát và phản biện đối với Chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình, Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của đất nước, của địa phương. Đây là cơ sở quan trọng để các cấp Hội phát huy tính chủ động, sáng tạo trong việc lựa chọn nội dung, hình thức, quy mô giám sát phù hợp với tình hình của địa phương mình.

3.2. Giải pháp nâng cao hiệu quả giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

3.2.1. Nhóm giải pháp về nhận thức

3.2.1.1. Nâng cao nhận thức của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể về vai trò giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Mặc dù Bộ chính trị đã ban hành *Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ và các đoàn thể chính trị* song đây là vấn đề khó, quan trọng cần phải tiếp tục quán triệt sâu sắc để các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể, nhận thức làm tốt, làm đúng trách nhiệm được quy định; thường xuyên kiểm tra, giám sát tổ chức đảng cấp dưới, cán bộ, đảng viên và nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam cùng cấp kịp thời chỉ đạo và tạo điều kiện để Hội thực hiện giám sát và PBXH.

Cần phải nhận thức rằng, hoạt động giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam là đòi hỏi tất yếu của quá trình hoàn thiện, phát huy dân chủ XHCN và quyền làm chủ của nhân dân, nhân dân thực hiện quyền dân chủ trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức đại diện cho mình để kiểm soát quyền lực đã ủy quyền cho nhà nước. Đồng thời cũng đáp ứng yêu cầu đổi mới hệ thống chính trị, đặc biệt là đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và cách thức quản lý của nhà nước theo hướng công khai hóa, khắc phục tình trạng chủ quan duy ý chí, chống tệ quan liêu, đòi hỏi phải có sự tham gia của Hội LHPN Việt Nam. Đó cũng chính là sự thể chế hóa cơ chế Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ, là sự đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội.

Cần phải nhận thức đúng về vai trò, vị trí của Hội LHPN Việt Nam để xác định phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Hội LHPN Việt Nam để Hội thực hiện tốt vai trò là người đại diện, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của các tầng lớp phụ nữ. Hội LHPN Việt Nam là thành viên của MTTQ Việt Nam cùng các thành viên khác phối hợp và thống nhất hành động trong MTTQ Việt Nam, tuy nhiên Hội LHPN Việt Nam có vị trí độc lập tương đối với Mặt trận và các đoàn thể chính trị- xã hội khác. Từ đối tượng vận động, tập hợp là phụ nữ, từ vị trí, vai trò và chức năng, nhiệm vụ của Hội thì phạm vi giám sát và PBXH của Hội khác với MTTQ và các đoàn thể chính trị- xã hội khác. Do đó, cần phải tuyên truyền cho các cấp ủy đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên hiểu đúng về vị trí vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Hội để tạo điều kiện để Hội LHPN Việt Nam tham gia xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đảm bảo tính đúng đắn, sát thực tiễn cơ sở, hợp lòng dân và tính khả thi của đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước khi được ban hành thực hiện.

3.2.1.2. Nâng cao nhận thức của cán bộ Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp từ Trung ương đến cơ sở

Hoạt động giám sát và PBXH không phải hoàn toàn mới đối với Hội LHPN Việt Nam. Hội LHPN Việt Nam tham gia giám sát và PBXH đã sớm được xác định từ Đại hội VI (nhiệm kỳ 1987-1992). Nghị quyết Đại hội đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần IX, X, XI đều xác định một trong sáu nhiệm vụ trọng tâm của Hội là “*Tham mưu đề xuất, tham gia xây dựng, phản biện và giám sát luật pháp, chính sách về bình đẳng giới*”. Chỉ tiêu về giám sát được đưa ra tại Đại hội Đại biểu Phụ nữ toàn quốc lần thứ XI (nhiệm kỳ 2012- 2017) là *hàng năm, 100% Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh/thành giám sát được ít nhất 02 chính sách; 100% Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp quận/huyện, 80% cơ sở Hội giám sát ít nhất 01 chính sách có liên quan đến phụ nữ và bình đẳng giới*.

Mặc dù vị trí vai trò của Hội đã được khẳng định là một trong các chủ thể giám sát và PBXH và thực tế hoạt động giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả cụ thể song hiện nay, không phải tất cả cán bộ Hội LHPN Việt Nam ở các cấp đã hiểu đầy đủ, thấu đáo về nội dung, ý nghĩa, phương pháp, quy trình của hoạt động giám sát và PBXH của Hội, còn tâm lý e ngại, né tránh, ngại va chạm trong hoạt động này. Do đó, để giám sát và PBXH hướng tới thực chất, hiệu quả thì cần phải thống nhất nhận thức trong cán bộ Hội các cấp xác định công tác giám sát và PBXH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để Hội thực hiện tốt chức năng đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước, qua đó khẳng định vị thế của Hội LHPN Việt Nam trong hệ thống chính trị cũng như trong đời sống xã hội.

3.2.1.3. Nâng cao nhận thức về vai trò, ý thức trách nhiệm tham gia giám sát, phản biện xã hội của hội viên, phụ nữ.

Cùng với việc quá trình xây dựng và mở rộng quyền dân chủ, thành tựu công nghệ thông tin thì trình độ dân trí ở nước ta đã từng bước được nâng

lên, “ ý thức về quyền và nghĩa vụ công dân, năng lực làm chủ, tham gia quản lý xã hội của nhân dân, ý thức về dân chủ trong xã hội được nâng lên... Quyền làm chủ của nhân dân được phát huy tốt hơn trong các lĩnh vực của đời sống xã hội bằng dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện, nhất là trong lĩnh vực chính trị và kinh tế” [11, tr.167]. Nhân dân (trong đó có phụ nữ) đã mạnh dạn bày tỏ chính kiến quan điểm về những vấn đề bức xúc của xã hội: tham nhũng, lãng phí, sai phạm của cán bộ công chức, viên chức khi thi hành công vụ, đã tích cực tham gia góp ý vào Dự thảo văn kiện Đại hội Đảng các cấp, vào Dự thảo Hiến pháp năm 1992 sửa đổi và nhiều dự thảo văn bản khác; chủ động gửi các phản ánh, kiến nghị, góp ý về những bất cập của chính sách hiện hành và việc thực thi pháp luật không nghiêm xâm hại đến quyền lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ. Tuy nhiên, nhìn chung trình độ nhận thức và hiểu biết về pháp luật của phần lớn hội viên, phụ nữ còn hạn chế, phụ nữ chưa mạnh dạn đấu tranh với cái sai, tố giác hành vi vi phạm pháp luật, vẫn còn phụ nữ vi phạm pháp luật.

Yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân cùng xu hướng dân chủ hóa đời sống xã hội đòi hỏi sự tham gia ngày càng chất lượng hơn của người dân vào quá trình quản lý và điều hành đất nước. Điều đó đặt ra yêu cầu hội viên, phụ nữ phải có kiến thức, năng lực để thực hiện quyền làm chủ của mình. Điều quan trọng là Hội LHPN Việt Nam phải trở thành một thiết chế hiệu quả để hội viên phụ nữ phát huy và thực hành dân chủ góp phần xây dựng Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, tạo sự đồng thuận và sự tiến bộ, công bằng trong xã hội, tạo ra các diễn đàn, hội thảo, đối thoại chính sách để phụ nữ tiếp cận dự thảo chính sách và bày tỏ ý kiến, kiến nghị, đề xuất.

3.2.2. Nhóm giải pháp hoàn thiện pháp luật về hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Hiện nay, có nhiều văn bản quy phạm pháp luật quy định về hoạt động giám sát, PBXH của Hội LHPN Việt Nam là điều kiện cần thiết để đảm bảo cho hoạt động giám sát và PBXH của Hội được thực hiện. Tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam còn nằm rải rác ở nhiều văn bản, chưa có hệ thống, còn có những quy định chưa đồng bộ, nhất quán. Do đó, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm cho Hội LHPN Việt Nam thực hiện giám sát và PBXH cần tập trung theo hướng:

- Nghiên cứu và xây dựng Luật giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội. Trong đó quy định về chính sách của Nhà nước khuyến khích nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội xây dựng Đảng, chính quyền; quy trình, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc tiếp thu, giải trình và phản hồi các kiến nghị, đề xuất của chủ thể giám sát, phản biện; cơ chế phối hợp giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội với các cơ quan, tổ chức khác trong thực hiện giám sát, PBXH;

- Thể chế hóa quan điểm của Đảng trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII về *“tăng cường hơn nữa sự gắn kết giữa giám sát của Quốc hội với kiểm tra, giám sát của Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị- xã hội và giám sát của nhân dân”*.

- Sửa Luật Bình đẳng giới năm 2006: trong đó cần pháp điển hóa quy định được quy định ở văn bản dưới luật (Nghị định số 48/ /2009/NĐ- CP ngày 19 tháng 05 năm 2009 của Chính phủ [4]) như: Trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật *“bảo đảm sự tham gia của đại diện Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam trong quá trình soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật ... báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến PBXH của Hội Liên hiệp Phụ*

nữ Việt Nam về chính sách, pháp luật về bình đẳng giới” (Điều 10); Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới được áp dụng đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật được xác định có nội dung liên quan đến bình đẳng giới hoặc có vấn đề bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử về giới trong phạm vi điều chỉnh của văn bản (Điều 7).

- Cần sửa đổi quy định của Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thống nhất với Luật Bình đẳng giới quy định về lồng ghép giới trong tất cả các văn bản quy phạm pháp luật. Mặc dù Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 mới có hiệu lực 1/7/2016 song trong quy định của Luật này và Nghị định số 34/NĐ/2016/NĐ-CP đều quy định: đánh giá tác động về giới của chính sách (nếu có) (Khoản 3 Điều 6 Nghị định 34/2016/NĐ-CP); trong hồ sơ thẩm định dự án luật, pháp lệnh, dự thảo Nghị quyết do Chính phủ trình gồm báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án, dự thảo, nếu dự án, dự thảo có quy định liên quan đến bình đẳng giới (Điều 58 Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật 2015) và Bộ Tư pháp sẽ thẩm định “việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo văn bản, nếu trong dự thảo văn bản có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới”; “*Ủy ban các vấn đề xã hội của Quốc hội chủ trì thẩm tra để bảo đảm việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới khi dự án, dự thảo đó có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới*” (Điều 69 Luật ban hành các văn bản quy phạm pháp luật 2015). Những quy định này nếu không có hướng dẫn thì sẽ rất khó để Hội LHPN Việt Nam thực hiện việc giám sát và PBXH về việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Sớm ban hành Thông tư hướng dẫn lập, sử dụng, quyết toán kinh phí hoạt động giám sát và PBXH của MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội.

3.2.3. Nhóm giải pháp về đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

Đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội LHPN Việt Nam là vấn đề cấp bách. Nếu không sớm đổi mới Hội sẽ không đáp ứng và bắt kịp yêu cầu phát triển của đất nước cũng như đòi hỏi của phụ nữ hiện nay.

3.2.3.1. Rà soát, sắp xếp tổ chức, bộ máy tinh gọn, năng động phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội

Trước hết, Hội cần rà soát chức năng, nhiệm vụ của từng cấp hội và các ban, đơn vị của từng cấp để thống nhất phân định nhiệm vụ cụ thể tập trung nhân lực thực hiện nhiệm vụ giám sát và PBXH.

Đối với cấp Trung ương: Hiện nay Trung ương Hội LHPN Việt Nam có 8 ban phong trào và văn phòng, với 187 cán bộ thuộc biên chế văn phòng và các ban phong trào; 7 đơn vị sự nghiệp với 129 biên chế thuộc các đơn vị sự nghiệp tự chủ một phần kinh phí. Việc phân bổ biên chế và nhiệm vụ của các ban/ bộ phận vẫn còn tình trạng dồn việc cho một số người, một số công việc còn chồng chéo; cơ chế quản lý còn bất cập, chưa phát huy tính chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công nhân viên. Do đó cần rà soát, phân định cụ thể chức năng, nhiệm vụ cho các ban/ đơn vị theo hướng: 1) Các ban tham mưu, hướng dẫn, theo dõi về phong trào theo các nhóm nhiệm vụ trọng tâm: hỗ trợ phát triển kinh tế; hỗ trợ xây dựng gia đình; giám sát và PBXH; xây dựng và phát triển tổ chức; hợp tác quốc tế; 2) Các ban tham mưu, tổng hợp, phục vụ hoạt động: kế hoạch tài chính, văn phòng, tổ chức hành chính quản trị, thi đua khen thưởng; 3) Các đơn vị sự nghiệp. Trong đó, ưu tiên bố trí cán bộ chuyên trách tham mưu thực hiện nhiệm vụ giám sát và PBXH.

Đối với cấp tỉnh/thành: Hiện nay, với biên chế từ 19 đến 23 cán bộ, các tỉnh/ thành đều có từ 4-6 ban, văn phòng; mỗi ban/ đơn vị trung bình chỉ có khoảng 2-4 cán bộ luôn phải làm thay việc cho cán bộ nghỉ chế độ nên chất lượng chưa cao. Nhiều nơi mỗi ban có 1 người, thậm chí có nơi không có ban

Chính sách- Luật pháp. Do đó, nên tập trung đầu mỗi ban, văn phòng gọn hơn, giảm bớt đầu mối, tăng số cán bộ mỗi ban/đơn vị để tập trung sâu hơn cho nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội.

3.2.3.2. Đảm bảo số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ Hội LHPN các cấp

Cán bộ là vấn đề quan trọng quyết định sự thành công hay thất bại của công việc. Như đã trình bày tại chương 1, chất lượng đội ngũ cán bộ sẽ quyết định chất lượng hoạt động giám sát và PBXH của các cấp Hội.

Từ thực trạng công tác cán bộ hiện nay, Hội LHPN các cấp cần phải sắp xếp, cơ cấu lại cho hợp lý đảm bảo có đủ số lượng cán bộ cần thiết cho mỗi cấp Hội (cấp huyện, xã ít nhất có 01 cán bộ chuyên trách; cấp tỉnh ban tham mưu ít nhất 2-3 cán bộ chuyên trách; cấp Trung ương ban tham mưu ít nhất 5-7 cán bộ chuyên trách).

Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, công tác cán bộ của từng cấp Hội phải có tính chiến lược, đào tạo gắn với quy hoạch, tránh tình trạng “khép kín” trong tổ chức Hội; cần có chính sách thu hút cán bộ trẻ có năng lực tham gia công tác Hội; cải tiến phong cách lề lối làm việc của cán bộ Hội chuyên trách khắc phục tình trạng hành chính hóa, thiếu kỹ năng vận động tuyên truyền, thuyết phục và sâu sát hội viên phụ nữ. Cần xây dựng đội ngũ cán bộ Hội có bản lĩnh chính trị, có năng lực chuyên môn, nhiệt tình, tâm huyết có kỹ năng vận động quần chúng, có phương pháp làm việc khoa học, kế hoạch là chủ thể của quá trình đổi mới. Là nhiệm vụ được xác định là mới, khó nên đội ngũ cán bộ phải được bồi dưỡng, tập huấn về pháp luật các các kiến thức liên quan đặc biệt phải có khả năng vận động quần chúng và các kỹ năng hỗ trợ khác: kỹ năng nghiên cứu, phát hiện vấn đề, kỹ năng tổng hợp, xử lý thông tin số liệu; kỹ năng xử lý tình huống có vấn đề.

Trong bối cảnh biên chế có hạn, để có đội ngũ cán bộ đáp ứng ngay yêu cầu nhiệm vụ thì cần phải thực hiện đồng bộ công tác đào tạo, luân chuyển

cán bộ có kinh nghiệm nơi khác về Hội; thành lập và có cơ chế đãi ngộ đội ngũ chuyên gia tư vấn của Hội. Đặc biệt Hội phải tham gia giới thiệu nhiều cán bộ nữ xuất sắc vào các vị trí ra quyết định, nhằm xây dựng các chính sách đảm bảo sự nhạy cảm giới.

3.2.2.3. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội LHPN các cấp

Các nội dung hoạt động của Hội phải bám sát sự chỉ đạo của Đảng, gắn bó chặt chẽ với chuyển động của đời sống kinh tế- xã hội của đất nước, của từng địa phương; lấy mong muốn, nguyện vọng chính đáng của phụ nữ làm cơ sở để đề ra nội dung, phương thức hoạt động. Trên cơ sở đó, hoạt động giám sát và phản biện xã hội phải hướng nhiều đến những vấn đề bức xúc về kinh tế- xã hội (phòng chống tham nhũng, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, chăm sóc sức khỏe phụ nữ, trẻ em) và nhằm giải quyết những vấn đề bức xúc đặt ra đối với phụ nữ (mất cân bằng giới tính khi sinh, bạo lực gia đình đối với phụ nữ, các chính sách an sinh xã hội của phụ nữ nông thôn, phụ nữ di cư lao động tự do, phụ nữ dân tộc thiểu số, khuyết tật, sự chênh lệch về tuổi nghỉ hưu, tội phạm liên quan đến phụ nữ và trẻ em). Bên cạnh đó, cần đổi mới việc thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học gắn với những vấn đề đặt ra cho công tác Hội và phong trào phụ nữ, làm bằng chứng cho việc hoạch định chiến lược phát triển của Hội cũng như đề xuất chính sách, pháp luật, phản biện chính sách, pháp luật liên quan đến bình đẳng giới, phụ nữ, trẻ em và tổ chức Hội.

Yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, của dân, do dân và vì dân cùng xu hướng dân chủ hóa đời sống xã hội, đòi hỏi sự tham gia ngày càng chất lượng hơn của người dân vào quá trình quản lý và điều hành đất nước. Hội LHPN Việt Nam phải trở thành một thiết chế quan trọng, là môi trường thuận lợi để hội viên phụ nữ phát huy và thực hành dân chủ góp phần xây dựng Đảng, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo sự

đồng thuận và sự tiến bộ, công bằng trong xã hội. Để thực hiện nhiệm vụ này, Hội phải đa dạng hóa nội dung và phương thức tập hợp và phát triển hội viên phụ nữ, nâng cao chất lượng hội viên phụ nữ để thực sự hội viên phụ nữ phải đủ khả năng để thực hiện quyền tham gia giám sát và PBXH.

Trong phương thức hoạt động của Hội LHPN Việt Nam cần đề cao sự sáng tạo, năng động, nhạy bén và tính chủ động của mỗi cấp Hội và cán bộ hội viên. Trung ương Hội tập trung hướng dẫn cho các cấp Hội lựa chọn những vấn đề thiết thực để thực hiện giám sát, PBXH phù hợp với điều kiện kinh tế- xã hội ở địa phương, hướng tới giải quyết những vấn đề bức xúc của phụ nữ, của cộng đồng dân cư nhằm hoàn thiện chính sách pháp luật, đảm bảo bảo vệ quyền của các đối tượng phụ nữ yếu thế. Lấy hiệu quả làm thước đo đánh giá chất lượng hoạt động giám sát, PBXH. *“Hiệu quả được thể hiện ở sự thu hút hội viên phụ nữ bởi hoạt động thiết thực của Hội, ở thành công trong giám sát, phản biện, đề xuất chính sách luật pháp được cấp ủy, chính quyền ghi nhận và bao trùm là vị thế, ảnh hưởng của tổ chức Hội được xã hội ghi nhận, tôn vinh”*[31,tr.12].

3.2.3.4. *Xây dựng cơ chế sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan trong hoạt động giám sát và phản biện xã hội.*

Hội cần chủ động lựa chọn các cơ quan, tổ chức phù hợp với nội dung, đối tượng giám sát, phản biện xã hội để từ đó xây dựng và ký kết các chương trình giám sát, phản biện xã hội. Chẳng hạn như: Phối hợp với Bộ Văn hóa- Thể thao và Du lịch, Bộ Lao động- Thương binh xã hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ký chương trình phối hợp giám sát việc thực hiện Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Bình đẳng giới. Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế, nên lựa chọn một số vụ việc phối hợp với các cơ quan chức năng giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của phụ nữ.

Hội LHPN các cấp cần phối hợp chặt chẽ hơn với UBND cùng cấp trong việc tổ chức các cuộc họp để thu thập ý kiến về tình hình thực hiện chủ

trương, luật pháp, chính sách; đề xuất xem xét và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ, trẻ em và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

3.2.4. Nhóm giải pháp về xây dựng các điều kiện đảm bảo thực hiện giám sát, phản biện xã hội của Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam

3.2.4.1. Đảm bảo tính công khai, minh bạch, dân chủ trong hoạt động lãnh đạo của Đảng và hoạt động quản lý của Nhà nước

Dân chủ, công khai, minh bạch là đòi hỏi tất yếu của quá trình đổi mới hoạt động của Đảng, nhà nước đồng thời cũng tạo điều kiện thuận lợi để Hội LHPN Việt Nam tiến hành giám sát, PBXH chủ động, khoa học, hiệu quả. Công khai thông tin về các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước sẽ tạo điều kiện cho Hội chủ động nghiên cứu, theo dõi, so sánh phân tích và phát hiện những vấn đề khuyết thiếu trong chủ trương, chính sách, pháp luật, hoặc những vi phạm trong tổ chức thực hiện. Việc công khai trong tiếp nhận, phản hồi, giải trình tiếp thu ý kiến, kiến nghị của Hội LHPN Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng, một mặt thể hiện sự tôn trọng, ghi nhận tinh thần trách nhiệm, năng lực của chủ thể giám sát và phản biện. Khi nhiều ý kiến góp ý gửi đi mà không được các cơ quan chức năng phản hồi hoặc có phản hồi không được tiếp thu sẽ giúp cho Hội LHPN Việt Nam xem xét lại các ý kiến góp ý đã đầy đủ cơ sở lý luận và thực tiễn chưa, ý kiến nào cần phải đối thoại làm rõ.

Để thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong chủ trương, đường lối lãnh đạo và xây dựng và thực thi chính sách pháp luật, cần phải tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, công khai các thủ tục hành chính, sửa đổi, bổ sung ban hành mới những quy định về thủ tục, trình tự ban hành các văn bản pháp luật nhất là các quyết định hành chính, phát huy công nghệ thông tin, báo chí, có biện pháp cụ thể để khuyến khích và tăng cường đối thoại giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân.

3.2.4.2. Xây dựng cơ chế tài chính phù hợp đảm bảo cho Hội thực hiện nhiệm vụ giám sát và phản biện.

Trong bối cảnh hiện nay, hầu hết hoạt động của Hội LHPN Việt Nam vẫn do ngân sách nhà nước đảm bảo, các cấp Hội cần điều hành hiệu quả nguồn ngân sách do nhà nước phân bổ hàng năm, đảm bảo đúng quy định hiện hành, linh hoạt bám sát nhiệm vụ và tình hình thực tiễn. Song Hội cần chủ động khai thác nguồn thu phục vụ nhiệm vụ chính trị được giao: Đổi mới cơ chế và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm hiện có, đảm bảo thực hiện tốt các nhiệm vụ của đơn vị sự nghiệp có thu; tiếp tục đề xuất dự án xây dựng các trung tâm phụ nữ, các cơ sở phục vụ cho dịch vụ công của Hội LHPN Việt Nam; vận động tài trợ trong và nước ngoài, các chương trình phối hợp với các bộ, ngành và địa phương; nâng cao các hoạt động ủy thác/ tín chấp với Ngân hàng. Sử dụng nguồn phí ủy thác để tăng vốn đầu tư phát triển và phục vụ cho hoạt động của Hội. Điều quan trọng đó là chuyển dần các hoạt động hỗ trợ của Hội sang đảm nhận các dịch vụ công, tạo nguồn thu cho Hội, giảm dần nguồn ngân sách cho tổ chức và bộ máy hoạt động của Hội, tiến đến tự chủ, và tự quản những hoạt động thường xuyên, thay đổi tư duy trông chờ vào ngân sách nhà nước. Có như vậy, Hội mới chủ động và độc lập thực hiện hoạt động giám sát và PBXH hiệu quả, thực chất.

Kết luận chương 3

Thực trạng hoạt động giám sát và PBXH của Hội LHPN đặt ra vấn đề cần có các giải pháp phù hợp, hữu hiệu để phát huy mặt mạnh, kết quả đạt được và khắc phục hạn chế, khó khăn để nâng cao hiệu quả hiệu lực giám sát, PBXH. Để thực hiện được điều đó đòi hỏi hoạt động giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam phải bám sát sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với Hiến pháp và pháp luật, Điều lệ Hội LHPN Việt Nam, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp, chính đáng của phụ nữ góp phần vào sự nghiệp đổi mới của đất nước, phải nâng cao vị thế, vai trò của Hội

LHPN Việt Nam trong hệ thống chính trị, đa dạng về nội dung, hình thức phù hợp với điều kiện từng địa phương. Từ những quan điểm đó, các nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả giám sát, PBXH của Hội LHPN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay cần tập trung vào nâng cao nhận thức các cấp ủy Đảng, chính quyền, cơ quan, tổ chức; hoàn thiện pháp luật; đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội LHPN Việt Nam và xây dựng các điều kiện đảm bảo thực hiện giám sát, PBXH của Hội LHPN Việt Nam.

KẾT LUẬN

Giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam là hoạt động mang tính tất yếu khách quan góp phần xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh, là hoạt động đã được ghi nhận trong Hiến pháp và pháp luật Việt Nam. Thực tiễn sau 30 năm đổi mới cho thấy, hoạt động giám sát, PBXH được Hội LHPN Việt Nam xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để Hội thực hiện tốt chức năng đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng cho hội viên phụ nữ. Ở những giai đoạn, thời điểm khác nhau (trước và sau khi có Quy chế giám sát và PBXH của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội), Hội xác định nội dung và hình thức giám sát và phản biện phù hợp với tình hình kinh tế- xã hội của đất nước và đáp ứng cơ bản nguyện vọng nhu cầu của hội viên phụ nữ và thu hút ngày càng đông đảo hội viên phụ nữ tham gia. Hiệu quả hoạt động giám sát và phản biện của Hội LHPN Việt Nam được thể hiện ở những ý kiến, kiến nghị, đề xuất chính sách của Hội được ghi nhận tiếp thu.

Tuy nhiên, hoạt động giám sát, PBXH của Hội LHPN Việt Nam còn nhiều khó khăn, hạn chế, chưa đồng đều, hiệu quả ở các cấp xuất phát từ nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan. Để nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát và PBXH cần phải bám sát sự lãnh đạo của Đảng, sự đồng thuận ủng hộ của chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ với MTTQ Việt Nam, các đoàn thể chính trị- xã hội và các cơ quan, tổ chức liên quan đồng thời phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp mà cốt yếu là nâng cao nhận thức của cấp ủy Đảng chính quyền, các ban ngành, đoàn thể về vai trò của giám sát, PBXH của Hội LHPN Việt Nam; hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới tổ chức và hoạt động của Hội LHPN Việt Nam; đảm bảo các điều kiện cần thiết nhất là điều kiện về nguồn lực tài chính để triển khai thực hiện.

Giám sát và PBXH là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, vừa là quyền đồng thời vừa là trách nhiệm của Hội LHPN Việt Nam. Thực hiện thành công giám sát và PBXH cũng giúp cho Hội thực hiện tốt chức năng đại diện bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên phụ nữ, là một trong những lý do cho sự tồn tại và phát triển của tổ chức Hội LHPN Việt Nam.

Giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam là một trong yêu cầu cấp bách mang tính lý luận và thực tiễn sâu sắc. Với kết quả nghiên cứu Đề tài *“Giám sát, PBXH của Hội LHPN Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”* học viên hy vọng rằng sẽ góp phần nghiên cứu các cơ sở khoa học cho các giải pháp nâng cao hiệu quả giám sát, PBXH của Hội LHPN Việt Nam, góp phần phát huy dân chủ xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền ở Việt Nam hiện nay.

Mặc dù vậy, trong khuôn khổ thời gian và khả năng nghiên cứu của học viên còn hạn chế, nên các quan điểm, giải pháp mà luận văn đưa ra cũng cần được cập nhật, nghiên cứu, bổ sung và kiểm chứng trong thực tiễn phù hợp với bối cảnh lịch sử cụ thể và đặc điểm của từng địa phương. Do đó, hoạt động giám sát, PBXH sẽ là đề tài còn nhiều dư địa để tiếp tục nghiên cứu ở các góc độ khác nhau, đối với từng vùng miền và chủ thể đoàn thể chính trị - xã hội khác.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Nguyễn Thọ Ánh (2012), *Thực trạng thực hiện chức năng giám sát, phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Ban Dân vận Trung ương (2014), *Cẩm nang công tác Dân vận*, Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016) *Đề cương tuyên truyền kết quả bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021*.
4. Chính phủ (2009), *Nghị định 48/2009/NĐ-CP ngày 19/05/ 2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới*
5. Chính phủ (2012), *Nghị định số 56/2012/NĐ- CP ngày 16/7/ 2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, UBND các cấp trong việc đảm bảo cho các cấp Hội LHPN Việt Nam tham gia quản lý Nhà nước*, [http:// vanban.chinhphu.vn](http://vanban.chinhphu.vn)
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (1993), *Nghị quyết số 04- NQ/TW ngày 12/ 07/ 1993 của Bộ Chính trị về đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới*
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia- sự thật, Hà nội,
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Nghị quyết 11- NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 27/4/2007 về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia- sự thật, Hà nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Tìm hiểu một số thuật ngữ trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Quyết định số 217 - QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) về việc ban hành “Quy chế giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội”*.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Quyết định số 218- QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị (khóa XI) ban hành “Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền”*
14. Điều lệ Hội LHPN Việt Nam khóa XI.
15. Mai Thế Dương (chủ biên) (2013), *Tăng cường công tác giám sát của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội
16. TS. Lê Văn Giảng- Cao Văn Thống (đồng chủ biên) (2010), *Cẩm nang về kỹ năng giám sát của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
17. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam 2013, Nxb Tư pháp, Hà Nội
18. Hồ Chí Minh (2002) toàn tập, tập 7, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
19. Hoàng Hải(2006), *Phát huy vai trò của MTTQ Việt Nam trong phản biện xã hội và giám sát xây dựng Đảng*, Tạp chí Xây dựng Đảng số 12/2006.
20. Phạm Xuân Hằng(2011),*Đại cương về phản biện xã hội*, in trong cuốn *Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách*, NXB Thế giới, tr.139-176
21. Nguyễn Thị Thanh Hòa (2016), *Một số kinh nghiệm thực hiện góp ý và phản biện xã hội Điều 54 Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi)*, Cẩm nang giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam(tr 43- 54).
22. TS. Bùi Thị Hòa(2016), *Một số kinh nghiệm bước đầu qua giám sát thực hiện Nghị định 56/2012/NĐ-CP của Hội LHPN Việt Nam*, Cẩm nang giám sát và PBXH của Hội LHPN Việt Nam (tr 55-65).

23. Hội LHPN Việt Nam (2016), *Cẩm nang giám sát và phản biện xã hội*, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
24. Hội LHPN Việt Nam, *Báo cáo số 35/BC-ĐCT ngày 22/4/2015 tổng hợp ý kiến góp ý vào Dự thảo Bộ luật Dân sự (sửa đổi)*.
25. Hoàng Minh Hội (2014), *Thực trạng pháp luật về giám sát của nhân dân đối với cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay và một số kiến nghị*, Tạp chí Khoa học ĐHQG Hà Nội, tập 30, số 2/2014.
26. Hội LHPN Việt Nam (2013), *Công văn số 246 /ĐCT- CSLP ngày 11/04/ 2013 của Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam về góp ý Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992*.
27. Hội LHPN Việt Nam (2013), *Công văn số 254 /ĐCT-CSLP ngày 16 /4/2013 của Đoàn Chủ tịch về góp ý kiến Dự thảo luật Đất đai (sửa đổi)*.
28. Hội LHPN Việt Nam (2013), *Công văn số 528/ĐCT- CSLP ngày 24 /6/2013 góp ý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hôn nhân và Gia đình*.
29. Hội LHPN Việt Nam (2014), *Công văn 991/ĐCT-CSLP ngày 31/10/ 2014 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam về việc đề xuất sửa đổi quy định hưởng lương hưu hàng tháng cho cán bộ nữ chuyên trách cấp cơ sở*
30. Hội LHPN Việt Nam (2015), *Báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu PNTQ lần thứ XI và nhiệm vụ, giải pháp nửa cuối nhiệm kỳ*.
31. Nguyễn Văn Hùng (2016), *Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Hội LHPN Việt Nam trong tình hình mới*, Hội thảo tham vấn ý kiến xây dựng văn kiện Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XII.
32. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia (2011), *Công tác giám sát góp phần ngăn ngừa nguy cơ của Đảng cầm quyền*. Nxb Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.

33. Nguyễn Văn Pha (2016), *Để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội*, Tạp chí Xây dựng Đảng số 1+2/2016
34. Nguyễn Như Phát (Chủ nhiệm đề tài) (2012), “*Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế*”
35. Đỗ Văn Quân (2012), *Vấn đề giám sát và phản biện xã hội của MTTQ Việt Nam và các tổ chức chính trị- xã hội- qua một số nghiên cứu gần đây*, Tạp chí khoa học Chính trị số 2/2012
36. Quốc hội (2011), *Luật Khiếu nại*, <http://vanban.chinhphu.vn>
37. Quốc hội (2011), *Luật Tổ cáo*, <http://vanban.chinhphu.vn>
38. Quốc hội (2014), *Luật Bảo hiểm xã hội*, <http://vanban.chinhphu.vn>
39. Quốc hội (2006), *Luật Bình đẳng giới*, [http:// vanban.chinhphu.vn](http://vanban.chinhphu.vn)
40. Quốc hội (2012), *Luật phòng chống tham nhũng*,<http://vanban.chinhphu.vn>
41. Quốc hội (2014), *Luật Bảo vệ môi trường*,<http://vanban.chinhphu.vn>
42. Quốc hội (2014), *Luật Tổ chức Quốc hội*,<http://vanban.chinhphu.vn>
43. Quốc hội (2015) *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân* <http://vanban.chinhphu.vn>
44. Quốc hội (2015) *Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân*, <http:// vanban.chinhphu.vn>
45. Quốc hội (2015), *Luật an toàn vệ sinh lao động*,<http://vanban.chinhphu.vn>
46. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức Chính phủ*, <http://vanban.chinhphu.vn>
47. Quốc hội (2015), *Luật Tổ chức chính quyền địa phương*<http://vanban.chinhphu.vn>
48. Quốc hội (2015),*Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật*, <http:// vanban.chinhphu.vn>
49. Trung tâm tư điển học (1994), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội”

50. Trung ương Hội LHPN Việt Nam (2016), *Báo cáo 3 năm triển khai, thực hiện Quyết định số 217 – QĐ/TW và Quyết định số 218 – QĐ/TW*.
51. Trung ương Hội LHPN Việt Nam (2013), *Hướng dẫn số 10/HĐ-ĐCT ngày 4/6/2014 của Đoàn Chủ tịch về thực hiện Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị- xã hội*
52. GS.TS Đào Trí Úc (chủ biên) (2010), *Cơ chế giám sát của nhân dân đối với hoạt động của bộ máy Đảng và nhà nước, một số vấn đề về lý luận và thực tiễn*.
53. Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam (2015), *Thông tri số 04/TTr-MTTW-BTT ngày 29/6/2015 hướng dẫn quy trình giám sát khi giám sát bằng Đoàn giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam*.
54. Viện Khoa học pháp lý, *Từ điển Luật học*, Nxb. Từ điển Bách khoa-Nxb.Tư pháp, Hà Nội, 2006
55. Viện Ngôn ngữ học, *Trung tâm từ điển học* (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb, Đà Nẵng.

Phụ lục 01

TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ SAU GIÁM SÁT của Hội LHPN các tỉnh/thành phố từ 2012-2016¹

1. Kiến nghị với chính quyền các cấp tạo điều kiện về kinh phí hoạt động cơ sở vật chất (phòng làm việc, máy vi tính) cho Hội phụ nữ theo Nghị quyết 25/NQ – HĐND (Hải Phòng).
2. Đề xuất với UBND cấp xã, phường về nội dung tập huấn về phòng, chống bạo lực gia đình trong năm 2016 và cấp kinh phí hoạt động cho địa chỉ tin cậy tại cộng đồng (Hải Phòng).
3. Đề nghị Tỉnh uỷ chỉ đạo các cấp uỷ Đảng bố trí tỷ lệ cán bộ nữ đạt và vượt theo tinh thần Chỉ thị số 36-CT/TW ngày 30/5/2014 của Bộ chính trị (Ninh Bình).
4. Hỗ trợ bảo hiểm xã hội cho một số Chủ tịch Hội LHPN xã, thị trấn từ 55 tuổi trở lên, đã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên 15 năm để được nghỉ hưu (Ninh Bình).
5. Đề nghị UBND cấp huyện, xã đảm bảo kinh phí hoạt động hằng năm cho Hội LHPN cấp huyện, cấp xã theo định mức quy định tại Nghị quyết 22/2011/NQ-HĐND (Ninh Bình).
6. Tiếp tục hỗ trợ kinh phí để Hội LHPN thực hiện hiệu quả Đề án 343 và Đề án 704 của Thủ tướng Chính phủ ở giai đoạn tiếp theo (Ninh Bình).
7. Cấp kinh phí cho Hội đảm bảo tổ chức thành công Đại hội Đại biểu phụ nữ các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 (Ninh Bình).
8. Tiếp tục hỗ trợ, đầu tư thêm cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc cho Hội LHPN các cấp (Ninh Bình).
9. Hội LHPN cấp huyện và cơ sở đề xuất với cấp uỷ, chính quyền đảm bảo phân bổ mức khoán kinh phí hoạt động cho chi hội các đoàn thể theo nội dung, chất lượng hoạt động của mỗi đoàn thể (Ninh Bình)

¹ Tổng hợp từ Báo cáo của 22 tỉnh/thành phố

10. Đề xuất đối với việc giải quyết các vụ việc đơn thư khiếu kiện phức tạp của phụ nữ, nên mời đại diện Hội LHPN tham gia để tuyên truyền, vận động (Ninh Bình)

11. Kiến nghị thực hiện quy định pháp luật về bình đẳng giới và Luật phòng chống bạo lực gia đình (Hà Nam).

12. Kiến nghị đối với những thân nhân liệt sĩ chưa được hưởng trợ cấp cúng liệt sĩ (Hà Nam).

13. Kiến nghị với HĐND, UBND và các ngành chức năng nâng cao việc thực công tác vệ sinh môi trường theo Nghị quyết 08 tại địa phương (Hà Nam).

14. Đề nghị nâng mức trợ cấp tuất liệt sỹ (Nam Định).

15. Đề nghị sửa chữa nâng cấp nhà ở người có công, thân nhân người có công (Nam Định)

16. Đề nghị đẩy nhanh tiến độ thực hiện Quyết định số 22/QĐ- TTg của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng (Nam Định).

17. Đề xuất các vấn đề liên quan đến chế độ cho phụ nữ không đủ điều kiện tham gia bảo hiểm xã hội khi nghỉ công tác (Nam Định).

18. Đề xuất thực hiện đúng và đủ chế độ chính sách đối với người có công với cách mạng (Hải Dương).

19. Đề xuất thực hiện đầy đủ trách nhiệm của UBND trong Luật bình đẳng giới và Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (Hải Dương).

20. Kiến nghị chính sách bảo hiểm xã hội cho lao động nữ trong doanh nghiệp (Quảng Ninh)

21. Kiến nghị đào tạo nghề dự phòng cho lao động nữ làm công việc nặng nhọc độc hại (Quảng Ninh).

22. Kiến nghị rà soát, đào tạo bồi dưỡng, quy hoạch đối với lao động nữ có năng lực (Quảng Ninh).

23. Kiến nghị UBND xã rà soát số liệu về BLGD, duy trì mô hình địa chỉ tin cậy cộng đồng (Quảng Ninh).

24. Kiến nghị cơ quan chức năng điều tra nhu cầu học nghề của người lao động (Quảng Ninh)

25. Kiến nghị sửa thẻ bảo hiểm xã hội bị sai về tên, tuổi (Quảng Ninh).

26. Kiến nghị thực hiện chính sách bảo trợ xã hội đối với 139 người khuyết tật là phụ nữ tại 3 xã Liên Hà, Thọ Xuân, Tân Lập của huyện Đan Phượng (TP.Hà Nội).

27. Kiến nghị bổ sung 140 hộ nghèo được hưởng chính sách giảm học phí, hỗ trợ tiền điện, bảo hiểm y tế (TP.Hà Nội).

28. Kiến nghị cấp 234 thẻ bảo hiểm Y tế cho trẻ em, giải quyết chế độ hỗ trợ cho 05 trẻ khuyết tật, mồ côi (TP. Hà Nội).

29. Đề nghị phối hợp với chính quyền, công an ngăn chặn 210 vụ việc bạo gia đình (TP. Hà Nội).

30. Đề xuất với các đơn vị có biện pháp khắc phục thực hiện ND 56/CP: ban hành quy chế phối hợp công tác giữa UBND và Hội LHPN, hỗ trợ kinh phí cho Hội phụ nữ hoạt động và các phương tiện làm việc, định kỳ làm việc giữa UBND và Hội LHPN (TP. Hà Nội).

31. Hội LHPN quận Đống Đa đề xuất tòa án bảo vệ quyền nuôi con dưới 36 tháng tuổi của phụ nữ cho 5 trường hợp (TP.Hà Nội).

32. Đề nghị hỗ trợ giải quyết 20 trường hợp phụ nữ bị bạo lực gia đình (Đông Anh, Hà Đông, Quốc Oai, TP.Hà Nội).

33. Đề nghị 54 trường hợp phụ nữ khuyết tật, phụ nữ đơn thân (Đan Phượng), 102 phụ nữ nghèo được hưởng các chế độ chính sách theo quy định (Phú Xuyên, Hoài Đức, Hai Bà Trưng, TP Hà Nội).

34. Kiến nghị xử lý 3/60 hộ kinh doanh hàng ăn uống không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội)

35. Đề xuất 3 doanh nghiệp ngoài quốc doanh đông lao động nữ đảm bảo chế độ cho nữ lao động mang thai 7 tháng trở lên, nghỉ thai sản và cho con bú, bảo hộ cho lao động nữ chưa được thường xuyên (Thanh Trì, TP. Hà Nội).

36. Đề xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh có chính sách hỗ trợ 1 phần kinh phí cho cán bộ nữ chuyên trách cấp xã đủ tuổi nghỉ hưu nhưng không đủ năm tham gia BHXH để giúp họ tiếp tục đóng BHXH tự nguyện khi đủ 15 năm để được hưởng lương hưu (Phú Thọ).

37. Nâng mức phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách (Phú Thọ).

38. Có chính sách hỗ trợ cho đối tượng không chuyên trách tham gia BHXH bắt buộc (Phú Thọ).

39. Đề nghị chính sách điều động bố trí công việc phù hợp đối với trường hợp chưa đến 55 tuổi nhưng không tiếp tục tái cử cấp ủy nhiệm kỳ 2015-2020 để tiếp tục làm việc cho đến tuổi nghỉ hưu (Phú Thọ).

40. Đề xuất UBND tỉnh tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm thực hiện Nghị định số 56 (Phú Thọ).

41. Đề xuất HĐND tỉnh nâng mức kinh phí hoạt động giai đoạn 2016-2020 cho các đoàn thể ở cơ sở²(Phú Thọ).

42. Đề xuất UBND cấp huyện, xã phân công cụ thể lãnh đạo UBND theo dõi thực hiện Quy chế phối hợp, tạo điều kiện về kinh phí cho các cấp hội tổ chức Đại hội (Phú Thọ).

43. Đề xuất UBND cấp huyện, xã bố trí phòng làm việc, máy tính cho Hội LHPN cơ sở (Phú Thọ).

44. Đề nghị tiếp tục quan tâm để đảm bảo tỷ lệ nữ HĐND (Phú Thọ).

45. Đề nghị UBND thu hồi hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sỹ sai của 5 người. Tạm đình chỉ 4 người, khôi phục lại 2 xuất trợ cấp thờ cúng tương ứng với 2 liệt sỹ³(Yên Bái).

46. Đề xuất UBND tỉnh đã có quyết định để Hội phụ nữ tỉnh thành lập nhóm trẻ cộng đồng (Yên Bái).

47. Đề xuất kiến nghị của Hội, HĐND tỉnh nâng mức chi phụ cấp cho Chi hội trưởng các đoàn thể từ 70.000đ/tháng lên mức 150.000đ/tháng⁴ (Tuyên Quang).

² Mức hiện tại là 5 triệu

³ Đã được UBND tiếp thu và ra quyết định thu hồi

⁴HĐND tỉnh đã ra Nghị quyết

48. Chính sách hỗ trợ đối với người nghèo, phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn; công tác cán bộ nữ dân tộc thiểu số (Hà Giang).

49. Đề nghị xét truy tặng 133 mẹ và xét tặng 05 mẹ Việt Nam anh hùng (Lạng Sơn).

50. Kiến nghị Doanh nghiệp thực hiện các quy định pháp luật lao động về thời giờ làm việc, nghỉ ngơi của lao động nữ, đảm bảo về quyền kết hôn lao động nữ (Hà Tĩnh).

51. Kiến nghị biện pháp xử lý những khoản thu của dân không hợp lý (Hà Tĩnh)

52. Đề nghị hướng dẫn cụ thể, chi tiết cho người lao động các giấy tờ thủ tục cần thiết để thuận lợi cho việc giải quyết, chi trả chế độ BHXH cho người lao động (Quảng Bình).

53. Kiến nghị các doanh nghiệp cần đầu tư kinh phí trong việc cải thiện điều kiện làm việc của người lao động, thực hiện nghiêm chỉnh các quy trình, quy phạm về an toàn lao động (Quảng Bình).

54. Đề xuất rà soát 381 trường hợp phụ nữ đơn thân diện hộ nghèo để được hưởng chính sách hỗ trợ (Quảng Bình).

55. Đề nghị cấp kinh phí cho hội phụ nữ cấp cơ sở (mới cấp cho 50% số xã) (Quảng Bình).

56. Đề nghị thành ủy, UBND thành phố tiếp tục có chính sách đầu tư, thực hiện xã hội hóa phát triển các cơ sở chăm sóc và giáo dục trẻ em từ 1-5 tuổi (Đà Nẵng).

57. Kiến nghị khắc phục những tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện Nghị định số 56/2012/NĐ-CP⁵ (tỉnh Kon Tum) .

58. Đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong đào tạo nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn (Lâm Đồng)

59. Đề xuất cơ quan quản lý nhà nước tăng cường kiểm tra nhóm trẻ gia đình (Thành phố Hồ Chí Minh)⁶.

⁵theo Công văn số 858/CV-BTV ngày 07-4-2016 của Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh

60. Đề nghị bổ sung người cao tuổi đủ điều kiện được hưởng trợ cấp xã hội (Thành phố Hồ Chí Minh).

61. Kiến nghị kiện toàn ban Vì sự tiến bộ phụ nữ (Bình Thuận)

62. Kiến nghị với Đảng, Nhà nước có chế độ thai sản cho phụ nữ ở nông thôn, vùng sâu vùng xa, phụ nữ thất nghiệp, không có BHXH (TP Cần Thơ).

63. Đề nghị chính quyền địa phương ưu tiên đầu tư, phát triển và cải thiện thêm nhiều trường học mầm non(TP Cần Thơ).

64. Kiến nghị với UBND giải quyết 05 vụ về bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật (TP Cần Thơ).

65. Đề xuất, kiến nghị tăng mức hỗ trợ hàng tháng cho trẻ em khuyết tật từ 500.000đ đến 800.000đ/tháng (TP Cần Thơ).

66. Đề xuất cải cách hành chính trong việc cấp thẻ BHYT cho trẻ em đảm bảo kịp thời, tránh sai sót, trùng lặp (TP Cần Thơ).

67. Đề xuất có ưu tiên cho phụ nữ nghèo khi khám bệnh tại các cơ sở chữa bệnh của Nhà nước (TP Cần Thơ).

68. Kiến nghị UBND thị trấn thực hiện các biện pháp giảm ô nhiễm môi trường (An Giang).

69. Đề nghị UBND huyện Thới Bình tạo điều kiện về phương tiện làm việc (máy tính cho HPN xã)⁷ (Cà Mau).

⁶ Đề xuất được tiếp thu

⁷UBND huyện tiếp thu bố trí vào năm 2017

Phụ lục 02

TỔNG HỢP GÓP Ý XÂY DỰNG PHÁP LUẬT 2012 – 6/2016

(133 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật⁸)

Năm	Luật	Pháp lệnh	Nghị định	Thông tư	Quyết định	Hiệp định song phương	Khác	Tổng theo năm
2012	9	1	10	3	23	-	1	47
2013	20	-	7	6	1	1	1	36
2014	9	1	3	6			9	28
2015	9		7	4			6	26
,6/2016	2		6	5				13
TỔNG	49	2	33	24	24	1	17	150

Nguồn:

- Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Ban hành Văn bản Quy phạm pháp luật năm 2008 của Đoàn Chủ tịch Hội LHPN VN số 54/BC – ĐCT ngày 24 tháng 05 năm 2013

- Báo cáo công tác chính sách – luật pháp năm 2012-6/2016

⁸ Chưa tính các văn bản góp ý trên 2 lần/năm

Phụ lục 03

**TỔNG HỢP CÁC DỰ THẢO VĂN BẢN QPPL HỘI LHPN VIỆT NAM
CỦ ĐẠI DIỆN THAM GIA BAN SOẠN THẢO, TỔ BIÊN TẬP
(2012- 6/2016)**

TT	NĂM	TÊN VĂN BẢN	Ban soạn thảo	Tổ biên tập	HĐ thẩm định	Luật	Nghị định	Thô ng tư	khác
1	2012	Luật Trưng cầu ý dân	1			1			
2		Luật mặt trận tổ quốc Việt Nam sửa đổi	1			1			
3		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHYT	1			1			
4		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật BHXH	1			1			
5		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Hôn nhân và gia đình	1			1			
6		Luật tiền lương tối thiểu	1			1			
7		Dự án Luật Trưng cầu ý dân		1		1			
8		Dự án Luật tiền lương tối thiểu		1		1			
9		Nghị Quyết của CP về Kế hoạch hành động thực hiện kết luận của Ban bí thư về công tác gia đình	1						1
10		Thông tư liên tịch về chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ ở vùng sâu, vùng xa là đồng bào dân tộc thiểu số	1					1	
11		Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 21/2006/NĐ- CP ngày 27/2/2006 của Chính phủ về kinh doanh và và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ	1				1		
12		Bộ luật dân sự (sửa đổi)		1		1			

13		Dự án luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (sửa đổi)		1		1			
14		Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật hôn nhân và gia đình năm 2000		1		1			
15		Nghị định quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 điều 187 của bộ luật lao động về độ tuổi nghỉ hưu	1				1		
16		Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung về chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã hội	1				1		
17		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội		1		1			
18		Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về phòng, chống tác hại của thuốc lá		1			1		
19		Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá		1			1		
20		Nghị định quy định xử phạt hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và chăm sóc, bảo vệ trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi	1				1		
21		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm Y tế	1			1			
22		Nghị quyết của Chính phủ về Kế hoạch hành động thực hiện kết luận của Ban Bí thư về công tác Gia đình		1					1

23	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 67/2007/NĐ-CP ngày 13/4/2007 và Nghị định số 13/2010/NĐ-CP ngày 27/2/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung về chính sách trợ giúp đối tượng bảo trợ xã		1			1		
24	Thông tư liên tịch về Chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe phụ nữ vùng sâu vùng xa là đồng bào dân tộc thiểu số		1				1	
25	Nghị định quy định xử phạt hành chính về bảo trợ, cứu trợ xã hội và chăm sóc, bảo vệ trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi		1			1		
26	Quyết định của Thủ tướng chính phủ phê duyệt đề án quản lý người chưa thành niên		1					1
27	Dự án Luật phòng, chống tác hại của rượu bia		1		1			
28	Đề án thành phần của Chiến lược phát triển gia đình Việt Nam		1					1
29	Dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 21/2006/NĐ-CP ngày 24/2/2006 của Chính phủ về kinh doanh và sử dụng các sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ nhỏ		1			1		
30	Nghị định công nhân ngày truyền thống, ngày kỷ niệm và ngày hưởng ứng phong trào, sự kiện tại Việt Nam	1				1		
31	Nghị định công nhận ngày truyền thống, ngày kỷ niệm và ngày hưởng ứng phong trào, sự kiện tại Việt Nam		1			1		
32	Nghị định quy định chi tiết khoản 2 và khoản 3 điều 187 của Bộ luật lao động về độ tuổi nghỉ hưu		1			1		

33	2013	Thông tư hướng dẫn nghị định quy định về công tác gia đình	1					1	
34		Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật hợp tác xã	1				1		
35		Dự thảo Thông tư lồng ghép bình đẳng giới trong xây dựng VBQPPL	1					1	
36		Thông tư hướng dẫn nghị định quy định về công tác gia đình		1				1	
37		Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật hợp tác xã		1			1		
38	2014	Dự án Luật Mặt trận Tổ quốc Việt nam sửa đổi	1			1			
39		Nghị định quy định chi tiết khoản 3 điều 187 Bộ Luật lao động về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn	1				1		
40		Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về hỗ trợ tạo việc làm	1				1		
41		Dự án Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (sửa đổi)		1		1			
42		Nghị định quy định chi tiết Bộ Luật lao động về chính sách đối với lao động nữ	1				1		
43		Hội đồng thẩm định dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và một số biện pháp thi hành Luật hôn nhân và gia đình			1		1		
44		Nghị định quy định chi tiết Khoản 3 Điều 187 của Bộ luật Lao động về nghỉ hưu ở tuổi cao hơn, trình Chính phủ trong năm 2014		1			1		
45		Dự án Luật phòng chống tác hại của lạm dụng rượu bia	1			1			
46		Nghị định của Chính phủ "Quy định một số nội dung về quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ trong các cơ quan, tổ chức,	1				1		

		đơn vị của Nhà nước"							
47		Ban soạn thảo Nghị định của Chính phủ về chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ thuộc hộ nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn sinh con theo đúng chính sách dân số trừ đối tượng tham gia BHXH bắt buộc	1				1		
48		Dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi)	1				1		
49		Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia	1				1		
50		Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về hỗ trợ tạo việc làm	1				1		
51		Nghị định về cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực dạy nghề	1				1		
52		Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia		1			1		
53		Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về hỗ trợ tạo việc làm		1			1		

54		Nghị định về cơ chế hoạt động và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, số người làm việc và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công trong lĩnh vực dạy nghề		1			1		
55		Dự án Luật phòng, chống tác hại của lạm dụng rượu, bia		1		1			
56		Nghị định của Chính phủ về chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe cho phụ nữ thuộc hộ nghèo, là đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn sinh con theo đúng chính sách dân số trừ đối tượng tham gia BHXH bắt buộc		1			1		
57		Nghị định quy định chi tiết Bộ Luật lao động về chính sách đối với lao động nữ		1			1		
58		dự thảo Nghị định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình (sửa đổi)		1			1		
59		Nghị định của Chính phủ "Quy định một số nội dung về quy hoạch và tạo nguồn cán bộ, công chức, viên chức nữ trong các cơ quan tổ chức, đơn vị của nhà nước		1			1		
60	2015	Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh	1						1
61		Nghị quyết liên tịch quy định chi tiết việc tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và Nghị quyết liên tịch quy định chi tiết hình thức giám	1						1

		sát và phản biện xã hội							
62		Dự thảo Nghị quyết quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân	1						1
63		Đề án triển khai nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới	1						1
64		Nghị quyết liên tịch quy định chi tiết việc tổ chức tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân và Nghị quyết liên tịch quy định chi tiết hình thức giám sát và phản biện xã hội		1					1
65		Tổ biên tập xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân		1					1
66		Ban soạn thảo xây dựng đề án quốc gia về giáo dục đời sống gia đình giai đoạn 2016-2020	1						1
67		Ban soạn thảo sửa đổi bổ sung thông tư 16/2009/TT-BYT ngày 22/9/2009 hướng dẫn tiếp nhân chăm sóc y tế và thống kê, báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	1					1	

68		Thông tư liên tịch quy định trình tự thủ tục thực hiện hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số	1					1	
69		Nghị quyết liên tịch giữa Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh		1					1
70		Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện	1				1		
71		Sửa đổi bổ sung Thông tư 16/2009/TT-BYT ngày 22/9/2009 hướng dẫn tiếp nhận chăm sóc y tế và thống kê, báo cáo đối với người bệnh là nạn nhân bạo lực gia đình tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh		1				1	
72		Thông tư liên tịch quy định trình tự thủ tục thực hiện hỗ trợ cho phụ nữ thuộc hộ nghèo là người dân tộc thiểu số khi sinh con đúng chính sách dân số		1				1	
73		Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện		1			1		
74	2016	Dự án Luật chuyển đổi giới tính	1			1			
75		Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em	1			1			

76		Dự án Luật chuyển đổi giới tính		1		1			
77		Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới	1				1		
78		Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật trẻ em		1			1		
79		Dự thảo Nghị định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1				1		
80		Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới		1			1		
81		Dự thảo Nghị định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		1			1		
		Tổng	40	40	1	21	39	9	12